



LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

*Đề tài: “ Kế toán nguyên vật liệu
tại Công ty cổ phần Bê tông Thép
Ninh Bình”.*

GVHD: Th.S Tạ Thị Kim Anh

LỜI MỞ ĐẦU.....	4
PHẦN I.....	6
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG – THÉP NINH BÌNH.....	6
<i>1. Tìm hiểu về tình hình cơ bản của công ty :</i>	<i>6</i>
<i>1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty:</i>	<i>6</i>
<i>1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:</i>	<i>7</i>
<i>1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty:.....</i>	<i>8</i>
<i>1.4. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Bê tông- Thép Ninh Bình.</i>	<i>12</i>
<i>1.5.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ trước:</i>	<i>15</i>
<i>1.6.Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong quá trình SXKD:.....</i>	<i>16</i>
<i>2.2. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty:.....</i>	<i>20</i>
<i>2.3. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại Công ty cổ phần Bê tông – thép Ninh Bình:</i>	<i>22</i>
<i>2.3.1. Các nguyên tắc kế toán chung áp dụng tại công ty:.....</i>	<i>22</i>
<i>2.3.2. Vận dụng chế độ tài khoản:</i>	<i>23</i>
<i>2.4.Hệ thống chứng từ sổ sách công ty sử dụng:</i>	<i>23</i>
<i>2.4.1. Chế độ chứng từ:</i>	<i>23</i>
<i>2.4.2. Chế độ báo cáo kế toán tài chính của Công ty:.....</i>	<i>24</i>
PHẦN II THỰC TẬP KẾ TOÁN VIÊN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH.....	26

2.1.Kế toán vốn bằng tiền:	26
2.1.1. Hạch toán kế toán biến động tiền mặt:	26
2.1.2. Hạch toán kế toán biến động tiền gửi ngân hàng:	39
2.5.Kế toán tập hợp chi phí và tình giá thành sản phẩm:.....	108
2.5.1.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:	108
2.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:.....	121
2.5.3. Kế toán chi phí sản xuất chung:.....	131
2.5.4 Kế toán tổng hợp CPSX, kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang tại công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình.....	153
2.5.4.1. Kiểm kê tính giá thành sản phẩm dở dang.	153
2.5.4.2. Tổng hợp chi phí sản xuất.....	153
2.5.4.3 Tính giá thành sản phẩm hoàn thành tại công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình.	156
PHẦN III BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP “KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH”	163
3.1.Giới thiệu chuyên đề:	163
3.2.Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu:	164
3.3.Thực trạng tổ chức thực hiện công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần Bê tông - Thép Ninh Bình:	165
3.3.1.Phân loại và đánh giá VL - CCDC ở công ty:.....	165
3.3.1.1. Phân loại:	165
3.3.1.2. Đánh giá:	166

3.3.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình.....	168
3.3.2.1. Chứng từ kế toán chi tiết nguyên vật liệu	168
3.3.2.2. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình.....	170
3.3.2.3. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình.....	171
3.3.2.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình.	172
3.3.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần bê tông thép ninh bình.....	173
3.3.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng:.....	173
3.3.3.2. Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu:.....	174
3.3.3.3. Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu:.....	185
3.3.4. Đánh giá thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình:	202
3.3.4.1. Những ưu điểm cơ bản:.....	202
3.3.4.2. Những vấn đề còn tồn tại:.....	204
KẾT LUẬN	206

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường đã và đang mang lại những cơ hội và thách thức lớn cho doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng đó là mẫu mã đẹp, chất lượng cao, giá thành phù hợp. Các doanh nghiệp muốn tồn tại được thì phải tìm phương hướng sản xuất kinh doanh phù hợp để sản phẩm của mình có thể cạnh tranh và đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Một doanh nghiệp sản xuất nhất thiết phải có nguyên vật liệu, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, quyết định đến chất lượng, công dụng, hình thức, mẫu mã sản phẩm và là yếu tố chi phí chủ yếu trong giá thành sản phẩm, chỉ một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng làm ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm và từ đó ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu nhằm giảm giá thành sản phẩm song vẫn phải đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tăng lợi nhuận là vấn đề mà các nhà quản lý doanh nghiệp đặc biệt quan tâm và tổ chức kế toán nguyên vật liệu là điều kiện quan trọng không thể thiếu được bởi kế toán nguyên vật liệu theo dõi và cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình biến động nguyên vật liệu, đồng thời còn giúp nhà quản lý doanh nghiệp lập dự toán chi phí nguyên vật liệu đảm bảo cho việc cung cấp nguyên vật liệu được đầy đủ, kịp thời, đúng chất lượng. Từ đó giúp cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, nhịp nhàng và xác định nhu cầu nguyên vật liệu dự trữ hợp lý, ngăn ngừa các hiện tượng hư hao, mất mát lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu trong quá trình sản xuất.

*Chính vì vậy em đã chọn cơ sở thực tập là Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình. Đây là một Công ty cổ phần nhiều năm liền kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo các khoản đóng góp cho ngân sách Nhà nước đồng thời tạo công ăn việc làm và không ngừng nâng cao đời sống người lao động. Công ty đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu: “**Đơn vị anh hùng trong thời kỳ đổi mới**”*

*Nhận thức về tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình, em nhận thấy kế toán nguyên vật liệu ở Công ty giữ một vai trò quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài “**Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình**”.*

Ngoài phần mở đầu và kết luận kết cấu chuyên đề của em gồm 3 chương sau:

Phần 1: Đặc điểm tình hình cơ bản của Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

Phần 2: Thực tập kế toán viên tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình.

Phần 3: Báo cáo chuyên đề Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

Do thời gian có hạn và còn nhiều hạn chế về kiến thức lý luận, thực tiễn nên báo cáo không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Em rất mong được sự giúp đỡ, góp ý bổ sung của các thầy cô giáo và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty để báo cáo này phong phú về lý luận và phù hợp với thực tiễn hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sĩ Tạ Thị Kim Anh và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

PHẦN I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG – THÉP NINH BÌNH.

1. Tìm hiểu về tình hình cơ bản của công ty :

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty:

Công ty Cổ Phần Bê Tông - Thép Ninh Bình là một doanh nghiệp hạch toán kinh doanh độc lập trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình, đặt tài khoản tại Ngân hàng đầu tư và phát triển (BID) chi nhánh Ninh Bình và ngân hàng Công thương Thị xã Tam Điệp..

Tiền thân của công ty hiện nay là Xí nghiệp kiến trúc trực thuộc Sở xây dựng Hà Nam Ninh, được thành lập theo quyết định số 135/QĐ - UB ngày 16/9/1976 của chủ tịch UBND Tỉnh Hà Nam Ninh .

Đến năm 1979 xí nghiệp được sáp nhập vào Công Ty xây dựng nhà ở Ninh Bình và mang tên mới là Xí nghiệp Cầu Kiện Bê Tông. Ngày 20/5/1986 UBND tỉnh Hà Nam Ninh có quyết định số 231/QĐ - UB tách xí nghiệp Cầu Kiện Bê Tông ra khỏi công ty xây dựng nhà ở Ninh Bình thành một đơn vị độc lập thuộc sở xây dựng Hà Nam Ninh.

Ngày 10/6/1994, xí nghiệp được xếp hạng DNNN loại 1 theo quyết định số 392/QĐ -UB của UBND tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 13/9/1994, UBND tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 688/QĐ - UB đổi tên xí nghiệp Cầu Kiện Bê Tông thành Công ty Bê Tông-Thép Ninh Bình, giấy phép đăng kí kinh doanh số:105310.DNNN.

Ngày 10/02/2004 UBND tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 3043/QĐ - UB phê duyệt phương án cổ phần hoá DNNN của Công ty Bê Tông - Thép Ninh Bình. Vào ngày 01/01/2005 công ty chính thức mang tên “ **Công ty Cổ Phần Bê Tông - Thép Ninh Bình**”.

Hiện tại tên công ty: Công ty cổ phần Bê Tông - Thép Ninh Bình

Địa chỉ: Km số 3, quốc lộ 1A – Phường Ninh Phong - Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

- Điện thoại: 0303. 610.080

Fax: 0303. 610.120

- Website: [Http://www. Betongthepnb.com.vn](http://www.Betongthepnb.com.vn)

Số lượng công nhân viên: 450 người.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất mặt hàng cấu kiện Bê tông đúc sẵn, cột điện ly tâm cao, hạ thế. Mặt hàng thép xây dựng và hàng mộc dân dụng

Chức năng và nhiệm vụ chính.

Là công ty cổ phần có 51% vốn Nhà nước - một đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, công ty cung cấp một lượng lớn các loại vật liệu xây dựng có chất lượng cao như: các sản phẩm bê tông, cột điện cao thế, hạ thế, thép các loại... phục vụ cho nhu cầu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra còn sản xuất đồ mộc để giải quyết cho những công nhân không đủ sức khoẻ để làm công việc nặng nhọc. Sản phẩm của công ty luôn giữ được chữ tín cao trong sự tin cậy của bạn hàng. Có thể nói rằng sự nỗ lực của bản thân, sự quan tâm của các cấp chính quyền, quy mô của công ngày càng được mở rộng, sản phẩm của công ty sản xuất ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó, doanh thu ngày càng tăng, đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện không ngừng được nâng cao.

1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Là một DNNN - một đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Công ty cung cấp một lượng lớn các loại vật liệu xây dựng có chất lượng cao như: các sản phẩm bê tông, cột điện cao thế, hạ thế, thép các loại... phục vụ cho nhu cầu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra còn sản xuất đồ mộc để giải quyết cho những công nhân không đủ sức khoẻ để làm công việc nặng nhọc. Sản phẩm của Công ty luôn giữ được chữ tín cao trong sự tin cậy của bạn hàng. Có thể nói rằng sự nỗ lực của bản thân, sự quan tâm của các cấp chính quyền, quy mô của công ngày càng được mở rộng, sản phẩm của Công ty sản xuất ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó, doanh thu ngày càng tăng, đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện không ngừng được nâng cao.

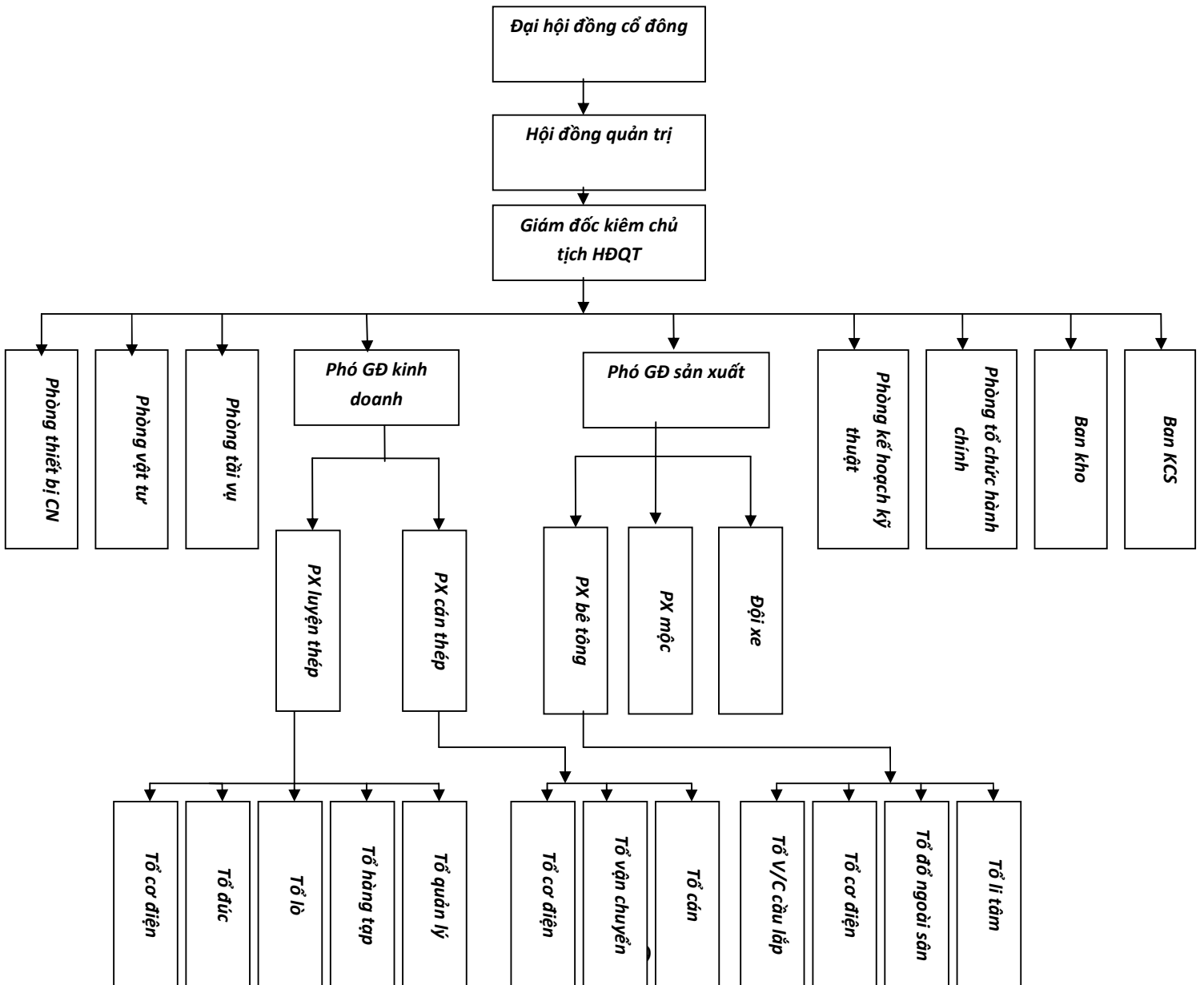
Năm 2009 với việc xác định đúng chiến lược sản xuất kinh doanh, đầu tư có hiệu quả Công ty đã hoàn thành kế hoạch trước thời hạn 15 ngày, đạt mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2008. Tổng giá trị sản lượng đạt được 157.245.780.268 đồng tăng 115%

so với năm 2008, doanh thu đạt 120.321.163.482 đồng, các sản phẩm thép xây dựng đạt 12.500 tấn, hàng mộc dân dụng đạt 210m³, đặc biệt các sản phẩm của Bê tông đạt 11.529 m³ tăng 40,23% so với năm 2008. Công ty đã nộp ngân sách 3.067.607.594 đồng tăng 115% là một trong 474 đơn vị, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế được Bộ tài chính tặng Bằng khen. Công ty đã giải quyết đầy đủ việc làm cho 450 cán bộ công nhân viên, mức thu nhập bình quân đạt 2.684.157 đồng/ người/ tháng, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty:

Bộ máy quản lý của công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình được thể hiện thông qua sơ đồ sau:

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại
Công ty cổ phần Bê tông - Thép Ninh Bình



***Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm toàn bộ các cổ đông của công ty, là những người góp vốn cổ phần, là chủ sở hữu của công ty.

***Hội đồng quản trị:** Do đại hội đồng cổ đông bầu ra chịu trách nhiệm giám sát và điều hành các hoạt động chung của công ty. Hội đồng quản trị họp thường xuyên trên cơ sở những nội dung do đại hội đồng cổ đông đề ra, hàng tháng đưa ra phương án và kế hoạch kinh doanh tổng quát. Ngoài ra còn giám sát hoạt động của ban giám đốc.

***Ban giám đốc:** Chịu trách nhiệm điều hành công ty là ban giám đốc công ty. Đứng đầu là chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc công ty, có trình độ cử nhân kinh tế, phụ trách toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, công tác tài chính kế toán, công tác nhân sự, công tác xây dựng, hoạch định và quy hoạch phát triển công ty, công tác xây dựng cơ bản.

***Giúp việc cho giám đốc là hai phó giám đốc:**

- **Phó giám đốc phụ trách sản xuất:** Là người giúp việc cho giám đốc , phụ trách một phần hành chính quản trị do giám đốc phân công như chỉ đạo, điều hành sản xuất chỉ đạo và kiểm tra chất lượng sản phẩm, duyệt các dự án kỹ thuật, giám sát hoạt động của phân xưởng bê tông, phân xưởng mộc, phân xưởng chuyển cầu lắp ...

- **Phó giám đốc kinh doanh:** Giúp việc chỉ giám đốc phụ trách đoàn thể, quản lý giám sát hoạt động sản xuất của hai phân xưởng là luyện thép và cán thép , đồng thời giải quyết một số công việc khi giám đốc đi vắng hoặc khi được uỷ quyền.

***Các phòng ban:**

-**Phòng tổ chức - hành chính:** Tham mưu, giúp việc cho giám đốc với chức năng là tổ chức hành chính quản trị, bố trí sắp xếp lao động, duy trì các chính sách về chế độ đối với cán bộ công nhân viên.

- **Phòng kế toán :** Là một bộ phận nghiệp vụ có nhiệm vụ theo dõi tình hình luân chuyển vốn, tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thanh toán công nợ, tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho ban giám đốc và phòng kế hoạch kỹ thuật về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn công ty trong kì. Phòng kế toán cùng với phòng kế hoạch kỹ thuật lập dự toán về sản xuất và tài chính của Công ty

-**Phòng thiết bị công nghệ:** Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo lựa chọn áp dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh, tìm mọi biện pháp để thiết bị an toàn trong sản xuất.

- **Phòng kế hoạch - kỹ thuật:** Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, lập kế hoạch về vật tư, nguyên vật liệu cho sản xuất, giao kế hoạch sản xuất cho các phân xưởng, phụ trách về mặt kỹ thuật , thiết kế mẫu mã sản phẩm, kiểm tra quy trình công nghệ, quy trình kỹ thuật...

- **Phòng vật tư:** Đảm nhận toàn bộ công việc về cung cấp đầy đủ kịp thời vật tư cho sản xuất, đảm bảo cho sản xuất được diễn ra liên tục không bị gián đoạn do thiếu nguyên vật liệu

- **Ban kho:** Mỗi phân xưởng của công ty có một kho riêng, trực t ban kho. Ban kho có nhiệm vụ quản lý theo dõi quá trình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu và thành phẩm theo đúng số lượng và chất lượng.

- **Ban KCS:** Có chức năng cơ bản là kiểm tra, theo dõi chất lượng của toàn bộ sản phẩm sản xuất của công ty theo đúng tiêu chuẩn của nhà nước quy định, đồng thời ban KCS phải tiến hành kiểm tra hàng hoá, vật tư trong quá trình nhập - xuất kho.

- Phân xưởng luyện thép: Có chức năng nhận phế liệu, phân loại phế liệu, vận chuyển phế liệu từ kho và nấu luyện, luyện phối thép cho phân xưởng cán thép, đúc các loại trục và khuôn theo yêu cầu của khách hàng.

- Phân xưởng cán thép: Nhận phối thép từ phân xưởng luyện và các nguồn phối khác mà công ty nhập thêm ngoài thị trường để tiếp tục chế biến sản xuất các loại thép xây dựng từ fi 8- fi 24.

- Phân xưởng bê tông: Chuyên sản xuất các loại bê tông đúc sẵn như cột điện ly tông, cột H, cọc móng, tấm đan, panen các loại, ống dẫn nước.

- Phân xưởng mộc: Chuyên sản xuất các mặt hàng mộc dân dụng như giường, tủ, bàn, cửa các loại... cho các công trình xây dựng theo hợp đồng.

- Đội xe: Nhiệm vụ chính của đội xe là vận chuyển, chuyên chở bê tông, sắt thép các loại từ công ty đến địa chỉ của khách hàng khi các yêu cầu.

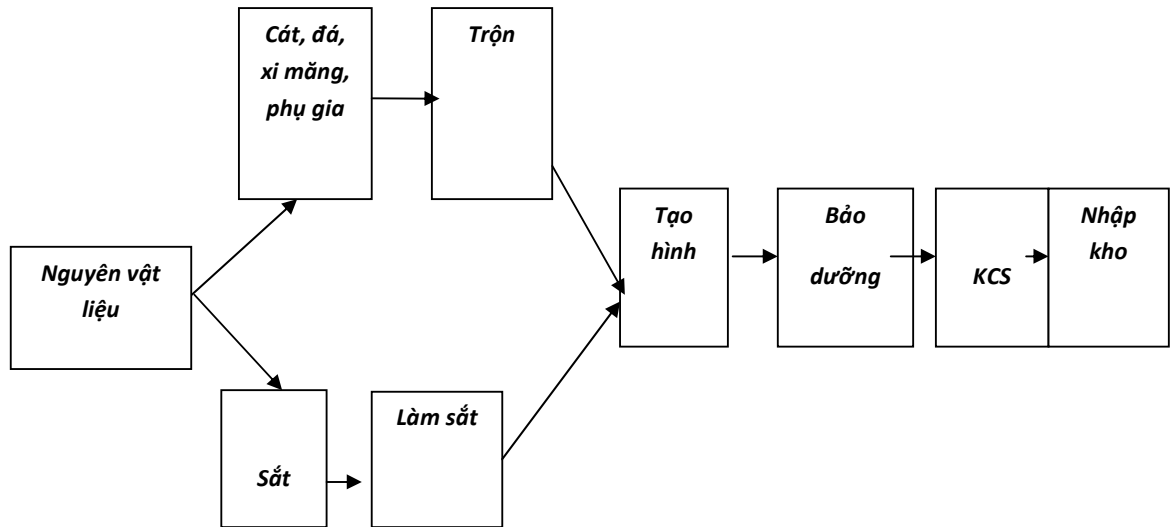
1.4. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Bê tông- Thép Ninh Bình.

Về quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty: Hiện tại Công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình có hai dây chuyền sản xuất sản phẩm chủ yếu đó là: Dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông và dây chuyền công nghệ sản xuất các sản phẩm thép xây dựng (bao gồm thép thỏi và thép cán). Nguyên vật liệu để sản xuất thép xây dựng chủ yếu là sắt thép phế liệu, sắt thép do công ty nhập mua từ các nguồn khác như

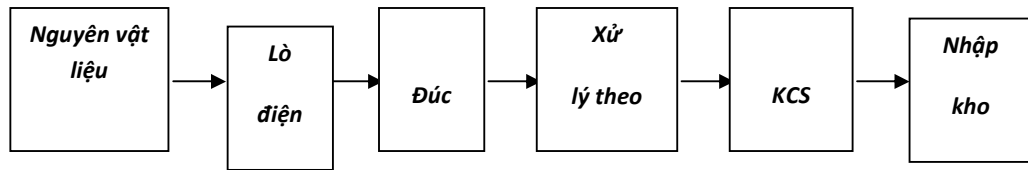
nhập ngoại và mua của các công ty sản xuất thép khác trong nước. Nguyên vật liệu để sản xuất bê tông là: Cát, đá, xi măng và thép xây dựng. Trong đó thép xây dựng phần lớn được dùng bởi chính sản phẩm thép của mình.

Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty được tóm tắt theo sơ đồ sau:

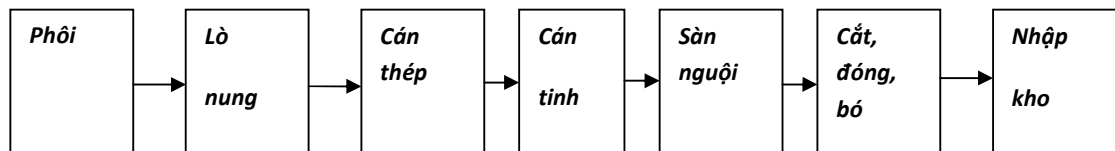
Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm bê tông



Sơ đồ quy trình sản xuất thép thổi



Sơ đồ tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất thép cán



Quy trình sản xuất thép cán:

* **Phôi:** Căn cứ bản vẽ, cắt vật liệu theo bảng tạo phôi.

* **Lò nung:** đưa phôi vào lò để nung cho nóng chảy

* **Cán thép:** khi mà phôi nóng chảy ra thì công nhân bắt đầu cán thành thép căn cứ vào các bản vẽ và yêu cầu kỹ thuật

* **Cán tinh:** lúc cán thép thì vẫn ở tình trạng mềm chuyển sang cán tinh để cho thép rắn lại

* **Sàn nguội:** lúc cán tinh thép nóng công nhân vận hành máy đưa sang sàn nguội để thép nguội rồi mới tiến hành cắt, đóng, bó rồi đem nhập kho.

1.5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ trước:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông -Thép Ninh Bình năm 2008-2009.

Đ.V.T: 1.000đ

<i>S TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
<i>1</i>	<i>Tài sản:</i>	<i>9.535.705.962</i>	<i>8.668.823.602</i>
	<i>-Tài sản ngắn hạn</i>	<i>5.971.673.552</i>	<i>5794282949</i>
	<i>- Tài sản dài hạn</i>	<i>3.564.032.410</i>	<i>2874540653</i>
<i>2</i>	<i>Nguồn vốn:</i>	<i>37.234.306.764</i>	<i>33.849.369.786</i>
	<i>- Nợ phải trả</i>	<i>16.609.865.342</i>	<i>18.567.980.340</i>
	<i>- Vốn chủ sở hữu</i>	<i>20.624.441.422</i>	<i>15.281.389.446</i>
<i>3</i>	<i>Tổng doanh thu</i>	<i>120.321.163.482</i>	<i>104.627.098.680</i>
<i>4</i>	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>1.711.894.782</i>	<i>1.523.851.507</i>

5	<i>Nộp ngân sách nhà nước</i>	3.067.607.594	2.667.484.865
6	<i>Thu nhập bình quân</i>	2.684.157	2.440.143

Nhận xét:

Doanh thu thuần năm 2008 là 120.321.163.482 đồng tăng 8.778.213.579 đồng tương ứng với tỷ lệ 8.39% so với năm 2008. Việc tăng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là điều kiện làm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2009 đạt 1.711.894.782 đồng tăng 188.043.275 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 12.34% so với năm 2008. Tỷ lệ tăng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh lớn hơn tỷ lệ tăng của doanh thu thuần, chứng tỏ trong năm 2009 Công ty thu được nhiều lợi nhuận hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với số lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh đời sống người lao động cũng được cải thiện rõ rệt với mức thu nhập bình quân năm 2009 là 2.684.157 đồng/ người / tháng tăng 10% so với mức thu nhập bình quân năm 2008.

Với chủ trương tăng cường đầu tư phát triển có chiều sâu và chiều rộng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đồng thời tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, không ngừng nâng cao năng suất chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh chắc chắn Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình sẽ ngày càng phát triển xứng đáng với danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới mà Nhà nước phong tặng.

1.6.Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong quá trình SXKD:

Trong tổ chức sản xuất công ty luôn áp dụng sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật luôn cải tiến công nghệ sản xuất từ dây chuyền sản xuất thép thủ công năng suất thấp. Công ty đã cải tạo thành công dây chuyền cán thép bán tự động, tạo ra được sản phẩm có chất lượng tốt mẫu mã đẹp cải thiện được điều kiện làm việc cho

người lao động. Các khâu trong quá trình sản xuất kết hợp chặt chẽ, sản phẩm của khâu sản xuất này là nguyên vật liệu cho khâu sản xuất sau vì vậy đảm bảo tính liên tục trong quá trình sản xuất. Phân xưởng Bê tông sử dụng nguyên vật liệu cốt thép từ phân xưởng sản xuất thép cán do vậy đã tự chủ nguyên vật liệu đầu vào và tận dụng được các loại thép đoạn góp phần hạ giá thành sản phẩm mặt hàng Bê tông. Do có sự chủ động trong công tác điều hành và chỉ đạo sản xuất nên các phân xưởng sản xuất đã phát huy được năng lực sản xuất. Với đội ngũ công nhân lành nghề đã không ngừng cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển.

Tóm lại. Mô hình sản xuất và quản lý của công ty nhìn chung là hợp lý, phù hợp với qui mô sản xuất đã mạng lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh Bên cạnh đó còn có một số nhược điểm trong công tác tổ chức sản xuất là các phân xưởng sản xuất theo tiến độ hợp đồng và kế hoạch của Phòng Kế hoạch giao do vậy việc thay đổi chủng loại sản phẩm có khi liên tục ảnh hưởng đến năng suất trong các ca sản phẩm và lượng vật tư hao phí cho mỗi lần thay đổi sản phẩm là rất cao. Theo em Phòng Kế hoạch nên tham mưu cho Lãnh đạo công ty đặt ra kế hoạch sản xuất dài hạn và ngắn hạn hợp lý. Sản phẩm dự trữ trong kho đa dạng, số lượng hợp lý để các phân xưởng sản xuất chủ động hơn nữa trong trình tổ chức sản xuất góp phần tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

2. Thực tập tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Bê tông - Thép Ninh Bình:

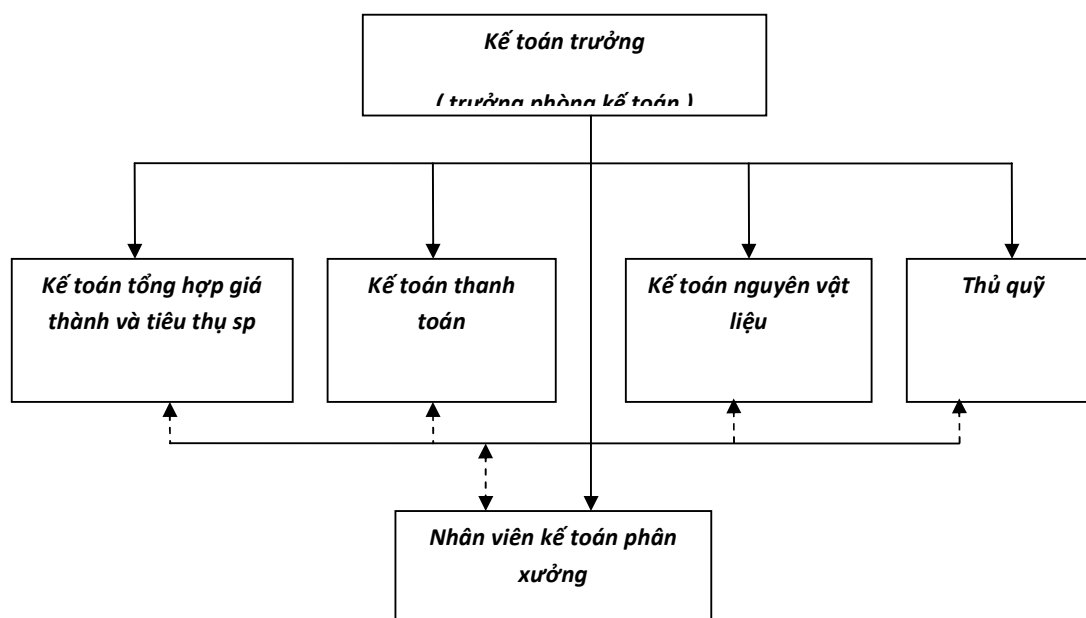
2.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là sản xuất tập trung nên bộ máy kế toán cũng được tổ chức theo hình thức tập trung.

Phòng tài vụ là bộ phận nghiệp vụ có nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán Công ty. Đảm nhận công việc kế toán của Công ty là một bộ máy kế toán gồm một kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp, 3 kế toán viên (kế toán tổng hợp giá thành và tiêu thụ sản phẩm, kế toán vật tư thành phẩm và kế toán thanh toán) và một thủ quỹ. Ngoài

ra ở các phân xưởng còn có các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ theo dõi thống kê sản phẩm chấm công và chia lương cho các cán bộ công nhân viên phân xưởng. Các nhân viên này hoạt động theo hình thức báo sổ để giảm bớt công việc kế toán cho cá nhân viên phòng tài vụ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ PHẬN KẾ TOÁN



***Chú thích:**

- Quan hệ chỉ đạo: →
- Quan hệ thông tin: →

-Kế toán trưởng là trưởng phòng kế toán có nhiệm vụ chỉ đạo chuyên môn cho các nhân viên kế toán trong công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan tài chính cấp trên về các vấn đề liên quan đến tài chính của Công ty. Tại Công ty cổ phần Bê tông - Thép Ninh Bình kế toán trưởng còn kiêm luôn nhiệm vụ của kế toán tổng hợp và là người trực tiếp theo dõi tình hình tăng, giảm và tính khấu hao tài sản cố định, tổng hợp các thông tin các ghi chép từ các nhân viên trong phòng trình lên Ban giám đốc.

-Kế toán nguyên vật liệu : là người trực tiếp tính toán ghi chép hoạt động xuất - nhập của vật tư, hàng hoá cũng như các loại tài sản cố định có giá trị khác trong công ty.

-Kế toán thanh toán là người đảm nhận công việc tính toán, lập phiếu thu, chi liên quan đến hoạt động tài chính của công ty, theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng.

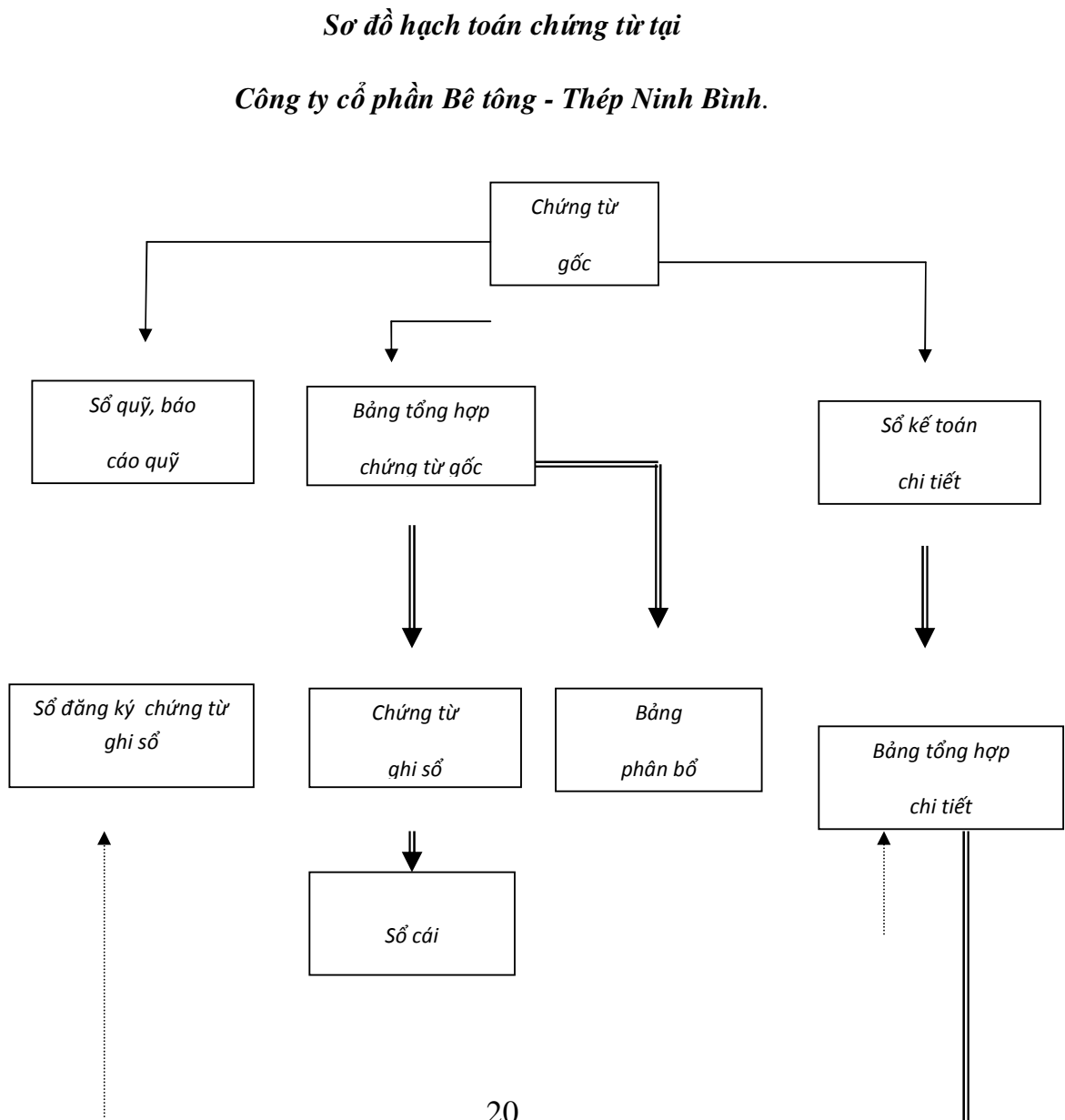
-Thủ quỹ là người trực tiếp quản lý tài sản của công ty mà tài sản ở đây chính là lượng tiền mặt, tổng hợp ghi chép nghiệp vụ xuất - nhập tiền mặt: thu- chi tiền mặt theo phiếu thu- chi đã được duyệt, bảo quản lượng tiền mặt hiện có tại công ty.

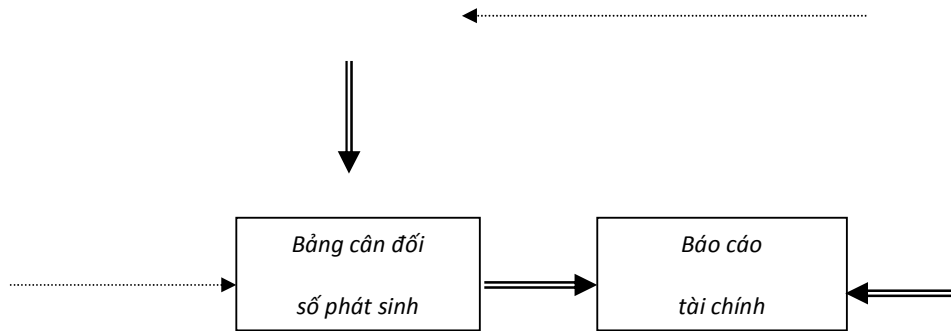
- Kế toán tổng hợp giá thành và tiêu thụ sản phẩm : Có nhiệm vụ tập chi phí phát sinh trong kì, tính giá thành cho từng loại sản phẩm, theo dõi doanh thu bán hàng, tình hình công nợ với khách hàng, tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.2. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty:

Để phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác cũng như tạo điều kiện cho việc ghi chép được thuận lợi, phù hợp với đặc điểm sản xuất, phù hợp với trình độ của nhân viên kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán là "Chứng từ ghi sổ".

Trình tự hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau:





Ghi chú:

Ghi hằng ngày, hoặc định kỳ →

Ghi cuối quý ⇨

Quan hệ đối chiếu ⇄

Thực tế tại Công ty, trình tự hạch toán có điểm khác so với trình tự quy định hạch toán chứng từ ghi sổ đó là:

Hàng ngày, hoặc định kỳ căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào sổ kế toán chi tiết, sổ quỹ, báo cáo quỹ, và tiến hành phân loại phản ánh vào các bảng kê theo từng đối tượng sử dụng (các phân xưởng).

Đến cuối quý, căn cứ vào sổ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu. Từ bảng tổng hợp chứng từ gốc (các bảng kê) kế toán lập bảng phân bổ và phản ánh vào chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán phản ánh vào sổ cái các tài khoản, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết vật liệu. Và từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh đối chiếu số liệu với sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nếu các

số liệu đã khớp thi kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, và bảng cân đối số phát sinh.

2.3. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại Công ty cổ phần Bê tông – thép Ninh Bình:

2.3.1. Các nguyên tắc kế toán chung áp dụng tại công ty:

Công ty thực hiện nguyên tắc kế toán chung “ Chế độ kế toán doanh nghiệp” theo Quyết định số 15 ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006.

+ Công ty áp dụng hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán theo đúng nội dung phương pháp ghi chép đã được quy định, hướng dẫn trong chế độ kế toán hiện hành:

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái các tài khoản TK 621, TK 622, TK627, TK154....

+ Niên độ kế toán; Được xác định theo năm tài chính, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm , năm trùng với năm dương lịch.

+ Về phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo giá mua thực tế, áp dụng đơn giá bình quân gia quyền để tính trị giá vốn thực tế xuất kho.

+ Phương pháp kế toán tài sản cố định: Tuân theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính, áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

+ Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).

+ Hiện nay công ty trang bị cho phòng kế toán 4 máy vi tính và 2 máy in, nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, để đơn giản chính xác hơn công ty đã sử dụng phần mềm kế toán MISA, các công việc của kế toán được tiến hành vừa theo dõi trên máy và được kiểm tra đối chiếu trên sổ sách.

2.3.2. Vận dụng chế độ tài khoản:

Công ty vận dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính quy định cho các Doanh nghiệp một cách nghiêm túc. Nhờ có hệ thống phần mềm vi tính các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh đầy đủ, chính xác trên hệ thống tài khoản do phần mềm quy định.

2.4. Hệ thống chứng từ sổ sách công ty sử dụng:

2.4.1. Chế độ chứng từ:

Chứng từ kế toán áp dụng cho Công ty thực hiện theo nội dung, phương pháp lập, ký chứng từ theo quy định của Luật Kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ- CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ, các văn bản pháp luật có liên quan đến chứng từ kế toán và các quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp.

Chứng từ kế toán ban hành theo chế độ kế toán gồm có 5 chỉ tiêu:

- + Chỉ tiêu lao động tiền lương
- + Chỉ tiêu hàng tồn kho.
- + Chỉ tiêu bán hàng
- + Chỉ tiêu tiền tệ
- + Chỉ tiêu Tài sản cố định.

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của Công ty đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập một lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh. Nội dung chứng từ đầy đủ các chỉ tiêu rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Chứng từ kế toán công ty lập đủ số liên theo quy định cho mỗi nghiệp vụ. Các liên đều thống nhất về nội dung và tính pháp lý của tất cả các liên. Công ty thực hiện lập chứng từ bằng hệ thống phần mềm trên máy vi tính nhưng đều đảm bảo nội dung quy định theo chứng từ kế toán.

Mọi chứng từ kế toán của Công ty đều có đủ chữ ký theo chức năng quy định trên chứng từ thì mới được luân chuyển và có giá trị pháp lý.

Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài đến đều phải tập trung vào bộ phận kế toán công ty. Bộ phận kế toán kiểm tra tính trung thực, chính xác đầy đủ các chỉ tiêu, xác minh tính pháp lý của chứng từ. Nếu phát hiện có hành vi vi phạm chính sách chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước bộ phận kế toán từ chối thực hiện hoặc yêu cầu làm thêm thủ tục và điều chỉnh sau đó mới làm căn cứ ghi sổ.

Trình tự luân chuyển chứng từ bao gồm các bước sau:

- Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ.*
- Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán sau đó trình giám đốc ký duyệt.*
- Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán.*
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.*

2.4.2. Chế độ báo cáo kế toán tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và nhu cầu sử dụng hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình cung cấp thông tin về tình hình tài chính của Công ty gồm các thông tin sau:

- + Báo cáo về tình hình tài sản.
- + Báo cáo về nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- + Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác.
- + Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.
- + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- + Các luồng tiền luân chuyển trong doanh nghiệp.

Công ty thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo năm và báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính gồm:

- + Bảng cân đối kế toán.
- + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính công ty đều lập và trình bày tuân thủ theo yêu cầu quy định tại chuẩn mực kế toán số 21- “ Trình bày báo cáo tài chính”. Đảm bảo tính trung thực, hợp lý, phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch có tính khách quan tuân thủ các nguyên tắc thận trọng, đầy đủ trên mọi khía cạnh, nhất quán giữa các kỳ báo cáo. Báo cáo kế toán được cung cấp kịp thời đầy đủ cho các đối tượng có liên quan theo qui định của luật kế toán.

PHẦN II

THỰC TẬP KẾ TOÁN VIÊN

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH.

2.1. Kế toán vốn bằng tiền:

2.1.1. Hạch toán kế toán biến động tiền mặt:

**Nghiệp vụ thu tiền mặt:*

Trong tháng 9 năm 2009 tại công ty cổ phần Bê tông thép ninh bình có rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về thu tiền mặt. Em xin trình bày trình tự hạch toán thu tiền mặt tại công ty

Ngày 01/9/2009.

- Phiếu thu số 1- Thu tiền bán hàng thép xây dựng : 45.000.000 đ.*

Công ty CP Bê tông thép Ninh Bình

PHIẾU THU

Ngày 01 tháng 9 năm 2009

Số : 01

Nợ TK: 111 :45.000.000

Có TK: 511: 42.857.000

Có TK: 333.1: 2.143.000

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Thái.

Địa chỉ: Công ty THNN Văn Thái – Thành phố Ninh bình.

Lý do nộp tiền: Trả tiền mua thép.

Số tiền: 45.000.000 đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: 45.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn ./.)

Ngày 01 tháng 9 năm 2009

Thủ trưởng đv *Kế toán trưởng* *Người lập phiếu* *Thủ quỹ* *Người nộp*
(Ký, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

- Kế toán chi tiết nghiệp vụ thu tiền mặt:

Khi nhận được phiếu thu do bộ phận kế toán chuyển sang thủ quỹ tiến hành nhập quỹ tiền mặt, đồng thời ghi sổ quỹ tiền mặt để theo dõi biến động tại quỹ tiền mặt tại công ty.

- Kế toán tổng hợp nghiệp vụ thu tiền mặt:

Hàng ngày hoặc định kỳ căn cứ vào các chứng từ thu tiền mặt để lên sổ quỹ tiền mặt (Kiêm báo cáo quỹ)

1- Nợ TK 111: 45.000.000

Có TK 511: 42.857.000

Có TK333(1): 2.143.000

** Nghiệp vụ chi tiền mặt:*

Em xin trình bày một số chứng từ của các nghiệp vụ liên quan đến chi tiền mặt phát sinh trong ngày 01 tháng 9 năm 2009 của công ty cổ phần Bê tông thép như sau:

- Phiếu chi số 01: Chi Ô Phát : Phòng thị trường xin tạm ứng đi công tác số tiền: 5.000.000đồng.*

Công ty CP Bê tông thép Ninh bình

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Kính gửi: Ban lãnh đạo công ty CP Bê tông thép Ninh Bình.

Tên tôi là: *Phạm Quang Phát*.

Bộ phận công tác: *Phòng thị trường – Công ty*.

Đề nghị tạm ứng số tiền: 5.000.000 đồng. (*Bằng chữ: năm triệu đồng*).

Lý do: *Đi công tác thu hồi công nợ tại Hà nội*.

Thời hạn thanh toán: *30 tháng 9 năm 2009*.

Ninh bình, ngày 01 tháng 9 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

Người xin tạm ứng

(Ký, họ tên)

Trên cơ sở là giấy đề nghị tạm ứng đã được lãnh đạo công ty phê duyệt.

Kế toán làm căn cứ để lập phiếu chi tạm ứng sau đó chuyển cho thủ quỹ chi tiền.

Đơn vị: Công ty CP Bê tông thép NB

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 9 năm 2009

Số : 01

Nợ TK: 141:5.000.000đ

Có TK: 111: 5.000.000đ

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Quang Phát.

Địa chỉ: Phòng thị trường – Công ty.

Lý do chi: Tạm ứng tiền đi công tác.

Số tiền: 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn./.)

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền: 5.000.000 đ (Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn./.)

Ngày 01 tháng 9 năm 2009

Thủ trưởng đv Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận
(Ký, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

- *Kế toán chi tiết nghiệp vụ chi tiền mặt:*

Khi nhận được phiếu chi do bộ phận kế toán chuyển sang thủ quỹ tiến hành chi quỹ tiền mặt, đồng thời ghi sổ quỹ tiền mặt để theo dõi biến động tại quỹ tiền mặt tại công ty.

- *Kế toán tổng hợp nghiệp vụ chi tiền mặt:*

Sau khi nhận báo cáo quỹ tiền mặt kèm theo chứng từ gốc, kế toán tiến hành định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng phiếu chi :

Nợ TK 141: 5.000.000

Có TK 111: 5.000.000

Công ty CP Bê tông thép Ninh Bình

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Stt	NT	SHCT		Diễn giải	TK ĐỐI ỨNG	Số tiền		
						Thu	Chi	Tồn
				Số dư đầu kỳ				18.000.000
1	1/9	01		Khách hàng thanh toán tiền mua hàng	511 333(1)	42.857.000 2.143.000		
2	1/9		01	Chi tạm ứng tiền đi công tác	141		5.000.000	
...
				Dòng tổng cộng		1.242.000.000	1.245.000.000	
				Số dư cuối kỳ				15.000.000

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Số: 01

Đơn vị tính: 1000 VNĐ

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Các trường hợp tăng TM	111			
		Doanh thu bán hàng		511	42.857	
		Thuế GTGT đầu ra		333.1	2.143	
...
		Cộng			1.242.000.000	

Kèm theo:.... Chứng từ gốc

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình

CHỨNG TỪ GHI SỐ

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Số: 02

Đơn vị tính: 1000 VNĐ

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
1	30/9	Các trường hợp giảm TM				
		Chi tiền tạm ứng	141		5.000	
				111		
...
		Cộng			1.245.000	

Kèm theo:.... Chứng từ gốc

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Mẫu số S02 CI-

DN

Công ty CP Bê tông thép Ninh Bình

(Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: Đồng

<i>NT ghi</i>	<i>Chứng từ ghi số</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>SH</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
-------------------	----------------------------	------------------	-----------	----------------	--------------------

<i>số</i>	<i>Số</i>	<i>Ngày tháng</i>		<i>TK ĐU</i>	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>G</i>
			<i>Số dư đầu tháng</i>		<i>18.000.000</i>		
<i>30/9</i>	<i>01</i>	<i>30/9</i>	<i>Thu tiền bán hàng</i>	<i>511</i>	<i>42.857.000</i>		
<i>30/9</i>	<i>01</i>	<i>30/9</i>	<i>Thuế GTGT hàng bán</i>	<i>333.1</i>	<i>2.143.000</i>		
<i>30/9</i>	<i>02</i>	<i>30/9</i>	<i>Chi tạm ứng đi công tác</i>	<i>141</i>		<i>5.000.000</i>	
<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>....</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>....</i>	<i>...</i>
			<i>Cộng số phát sinh tháng</i>		<i>1.242.000.000</i>	<i>1.245.000.000</i>	
			<i>Số dư cuối tháng</i>		<i>15.000.000</i>		

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.1.2. Hạch toán kế toán biến động tiền gửi ngân hàng:

** Hạch toán tăng tiền gửi ngân hàng:*

- Hạch toán ban đầu:

Tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp là giá trị các loại vốn bằng tiền mặt mà doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng, kho bạc, công ty tài chính. Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng bằng tiền, toàn bộ vốn kinh doanh của doanh nghiệp trừ số được phép giữ lại quỹ theo thoả thuận của ngân hàng để phục vụ nhu cầu cho việc chi tiêu hàng ngày, còn lại phải gửi vào tài khoản ngân hàng, công ty tài chính, các khoản tiền của doanh nghiệp gửi vào ngân hàng bao gồm:

Tiền gửi vốn kinh doanh

Tiền gửi vốn xây dựng cơ bản

Tiền gửi về các quỹ doanh nghiệp

Tiền gửi về các khoản kinh phí

Em xin trình bày tự hạch toán tăng tiền gửi ngân hàng của Công ty CP Bê tông thép theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

Công ty cổ phần thép bê tông Ninh Bình

UỶ NHIỆM THU

Lập ngày 1 tháng 9 năm 2009

Chuyển khoản, chuyển tiền

Tên đơn vị nhận tiền: công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình

Số TK: 431101-0000025

Tại ngân hàng đầu tư và phát triển Ninh Bình

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Hưng Phát

Số TK: 3304205020102

Tại ngân hàng: Ngân Hàng Đầu tư & PT Hà Nam

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán: Khách hàng trả tiền hàng

TK Nợ 112

TK Có 131

<i>Đơn vị trả tiền</i>	<i>Ngân hàng A</i>	<i>Ngân hàng B</i>
<i>Kế toán Chủ TK</i>	<i>Ghi số ngày</i>	<i>Ghi số ngày</i>

	<i>Kế toán trưởng phòng</i>	<i>Kế toán trưởng phòng</i>
--	-----------------------------	-----------------------------

- Hạch toán tổng hợp tăng tiền gửi ngân hàng.

Hàng ngày sau khi nhận được các bảng sao kê ngân hàng kèm theo giấy báo có kế toán phải kiểm tra lại toán bộ các chứng từ, sau đó căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để định khoản trên giấy báo có và các bảng sao kê. Đối với các khoản đối ứng có liên nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong bảng sao kê phải tiến hành phân loại và tổng hợp số liệu kết quả. Sau khi tổng hợp và định khoản trên bảng sao kê, kế toán ghi vào bảng kê số 03

Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Số: 03

Đơn vị tính: 1000 VND

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Các trường hợp tăng TGNH	112			
1	30/9	Khách hàng thanh toán tiền hàng		131	30.000.000	
...	
		Dòng tổng cộng			1.600.000.000	

Kèm theo:....chứng từ gốc

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

* Hạch toán giảm tiền gửi ngân hàng.

- *Hạch toán ban đầu:*

Các khoản tiền doanh nghiệp thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng gồm các khoản phải trả khách hàng, mua hàng thanh toán ngay, các khoản tiền vay có giá trị lớn, theo quy định hiện tại các khoản thanh toán trên 20 triệu đồng đều thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Em xin trình bày trình tự hạch toán giảm tiền gửi ngân hàng của Công ty trong tháng 9 năm 2009 theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

- 1- Chuyển UNC trả tiền vay cho công ty TNHH Mạnh Hùng theo hợp đồng số 65 số tiền :100.000.000 đ.*

UỶ NHIỆM CHI

Số 12

Chuyển

khoản, chuyển tiền thư- điện.

Lập ngày 01/9/2009

Đơn vị trả tiền: Công ty CP Bê tông thép Ninh Bình.

Số tài khoản: 431101-000025.

Tại ngân hàng đầu tư và phát triển Ninh Bình.

Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Mạnh Hùng.

Địa chỉ: Phường Trung Sơn – Thị xã Tam điệp.

Số tài khoản: 421101060284.

Tại ngân hàng Công thương thị xã Tam điệp.

Nội dung thanh toán: Trả tiền vay theo hợp đồng số 65.

Số tiền: 100.000.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn./.

Đơn vị trả tiền NHA ghi sổ ngày 01/9/2009 NH B ghi sổ ngày....

Kế toán Chủ tài khoản Kế toán Kiểm soát Giám đốc Kế toán Kiểm soát
Giám đốc

- Hạch toán tổng hợp giảm tiền gửi ngân hàng.

Hàng ngày sau khi nhận được các bản sao kê Ngân hàng kèm theo giấy báo Nợ kế toán phải kiểm tra lại toàn bộ chứng từ. Sau đó căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để định khoản trên các giấy báo Nợ và các bản sao kê. Đối với các TK đối ứng có liên quan đến nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong bảng sao kê phải tiến hành phân loại và tổng hợp số liệu kết quả.

Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Số: 03

Đơn vị tính: 1000 VNĐ

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Các trường hợp giảm TGNH				
1	30/9	Trả nợ vay ngắn hạn	311		100.000	

...
				112		
		Cộng			900.000	

Kèm theo:..chứng từ gốc

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

SỔ THEO DÕI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: 1000 VNĐ

<i>Ngày tháng</i>	<i>SHCT</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Số tiền</i>		<i>Tồn</i>
	<i>Thu</i>	<i>Chi</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	

			<i>Số dư ngày 30/8/2009</i>				<i>2.131.000</i>
<i>01/9</i>	<i>01</i>		<i>Nộp tiền vào ngân hàng</i>	<i>111</i>	<i>300.000</i>		
<i>01/9</i>		<i>01</i>	<i>Trả nợ vay ngắn hạn</i>	<i>311</i>		<i>100.000</i>	
<i>....</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>....</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>
			<i>Cộng phát sinh</i>		<i>1.600.000</i>	<i>900.000</i>	
			<i>Tồn cuối ngày</i>				<i>2.831.000</i>

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Mẫu số S02 C1-

DN

Công ty CP Bê tông thép Ninh Bình
15/2006/QĐ-BTC

(Ban hành theo QĐ số
ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu tháng		2.131.000		
30/9	01	30/9	Nộp tiền vào NH	111	300.000		

		30/9	Trả nợ vay ngắn hạn	311		100.000	
...	
			<i>Dòng tổng cộng</i>		1.600.000	900.000	
			<i>Số dư cuối tháng</i>		2.831.000		

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.Kế toán tài sản cố định:

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÔNG THÉP NINH BÌNH**

Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

SỐ : 0102- 01/ HĐKT

Ninh Bình, ngày 15 tháng 09 năm 2009

Hợp đồng kinh tế

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của hội đồng Nhà nước ban hành ngày 28/9/1989 và Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành pháp lệnh của HĐBT ban hành kèm theo Quyết định số 17/HĐBT ngày 06/01/1990

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của 2 bên:

I. Bên nhân: Công ty thương mại và kỹ thuật Sơn Hà (Gọi tắt là bên A)

Do ông : **Nguyễn Văn Kha** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Địa chỉ : 24 C Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại / Fax: 0438248395

II- Bên mua: Công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình (Gọi tắt là bên B)

Do ông: **Nguyễn Đăng Đông** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Có tài khoản : 710A00019

Địa chỉ: Km số 3, Quốc lộ 1A – Phường Ninh Phong – T.P Ninh Bình

Điện thoại: 0303.610.080

Sau khi bàn bạc và thoả thuận hai bên cùng thống nhất cá điều khoản sau:

Điều 1: Quy cách , số lượng , giá cả

STT	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Trọn bộ máy tính sách tay và máy in	Cái	21.220.000	01	21.220.000
	Cộng				21.220.000

Thuế GTGT 10%: 2.122.000đ

Tổng giá bán: 23.342.000đ

(Hai mươi ba triệu ba trăm bốn hai nghìn đồng)

Điều 2: Phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận hàng: Giao tại kho bên B, tại Công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình

- Thẻ thức nhận hàng: Bàn giao hàng trên cơ sở biên bản giao hàng có kiểm tra chất lượng, ký nhận của hai bên.

Điều 3: Trách nhiệm của hai bên

- Bên A có trách nhiệm: Bán cho bên B trọn bộ máy tính xách tay và máy in, đúng tiêu chuẩn quy cách chất lượng như bản chào hàng và đầy đủ hoá đơn kèm theo.

+ *Bảo đảm chất lượng thiết bị máy:* Thời gian bảo hành là Năm. Trong thời gian bảo hành nếu máy hỏng do kỹ thuật, thiết bị thì bên A có trách nhiệm sửa chữa, thay thế bảo đảm cho bên B sử dụng tốt.

- Bên B có trách nhiệm:

+ *Quá trình vận chuyển hàng nếu bị hỏng do vận chuyển thì B chịu trách nhiệm.*

Điều 4: Hình thức thanh toán:

- Tổng giá trị hợp đồng: 21.220.000đ

(Hai mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

- *Bên B thanh toán cho bên A: Tiền mặt, séc... tùy theo khả năng của bên B. Sau khi giao hàng xong, trong thời gian 7 ngày tiến hành thanh lý hợp đồng, kèm theo chứng từ, hoá đơn hợp lệ của Bộ Tài chính.*

Điều 5: Cam kết chung:

Hai bên đều có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước hiện hành.

- Hợp đồng có hiệu quả kể từ ngày ký đến 16/9/2009 phải thực hiện xong.*
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.*

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Đã ký)

(Đã ký)

HOÁ ĐƠN (GTGT)
(Liên 2: Giao cho khách hàng)

Ngày 15 tháng 09 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TM và Kỹ Thuật Sơn Hà

Địa chỉ: 24C Trần Hưng Đạo – Hà Nội

Điện thoại: 04 824 395

Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Hùng

Địa chỉ: Công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình

Số tài khoản: 71A00019

Hình thức thanh toán: trả bằng tiền mặt

Mã số thuế: 0102720614

<i>STT</i>	<i>Tên hàng hoá dịch vụ</i>	<i>ĐV tính</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
<i>1</i>	<i>Bộ máy tính xách</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>	<i>21.220.000</i>	<i>21.220.000</i>

	<i>tay và máy in</i>				
--	----------------------	--	--	--	--

Cộng tiền hàng: 21.220.000đ Thuế suất VAT %: 2.122.000đ

Tổng tiền thanh toán: 23.342.000đ

Viết bằng chữ: (Hai mươi ba triệu ba trăm bốn hai nghìn đồng)

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(ký rõ họ tên)

(ký rõ họ tên)

(ký rõ họ tên)

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PHIẾU CHI:

Số :

Ngày 16 tháng 9 năm 2009

Nợ Tk : 211

Nợ TK: 1331

Có Tk: 111

Họ và tên người nhận: Phạm Văn Hùng

Địa Chỉ: Công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình

Lý do chi: TT tiền trọn bộ máy vi tính và máy in

Số tiền: 23.342.000đ (Hai mươi ba trăm bốn hai nghìn đồng)

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Nhận ngày 16 tháng 09 năm 2009.

Đã nhận đủ số tiền (Bằng chữ): . Hai mươi ba trăm bốn hai nghìn đồng

<i>Thủ trưởng đơn vị</i>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Người lập phiếu</i>	<i>Thủ quỹ</i>	<i>Người nhận tiền</i>
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO

Hôm nay, ngày 16/09/2009 tại công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình

I. THÀNH PHẦN:

+ Bên giao hàng: Công ty TM và kỹ Thuật Sơn Hà - Hà Nội

Ông : Nguyễn Văn Kha – Giám đốc công ty

+ Bên nhận hàng: Công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình

Ông: Phạm Văn Hùng - Trưởng phòng kỹ thuật

Ông: Nguyễn Đăng Đông - Giám đốc công ty

II. NỘI DUNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 0102- 01/HĐKT ký ngày 15/09/2009. Các điều khoản ghi trong hợp đồng về số lượng, chủng loại, quy cách, đảm bảo đúng như hợp đồng đã ký và bản chào hàng.

III. KẾT LUẬN

- *Bảo đảm số lượng: 01 bộ*
- *Bảo đảm chất lượng: Máy hoạt động tốt.*
- *Chứng từ, hoá đơn hợp lệ.*

Biên bản này làm cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng.

*Nội dung biên bản được thông qua các thành phần nghe, công nhận và ký nhận.
Biên bản này lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản đều có giá trị như nhau.*

**ĐẠI DIỆN C.TY THƯƠNG MẠI
PHẦN**

(đã ký)

ĐẠI DIỆN C.TY CỔ

(đã ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh bình, ngày 20/09/2009

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của hội đồng nhà nước ban hành 25/09/1989.
- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 0102 – 01/HĐKT ký ngày 16/09/2009 giữa công ty TM và kỹ thuật Sơn Hà với công ty cổ phần xây dựng bê tông thép Ninh Bình về việc mua bán trọn bộ máy vi tính và máy in.
- Hôm nay ngày 20/09/2009 tại công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình:
A. ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH (GỌI TẮT BÊN A)

- Ông: Nguyễn Đăng Đông – Chức vụ giám đốc
- Có tài khoản: 710A00019
- Điện thoại: 0303.610.080

B. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TM VÀ KỸ THUẬT SON HÀ - HÀ NỘI (GỌI TẮT BÊN B)

- Ông: Nguyễn Văn Kha - Chức vụ giám đốc
- Điện thoại: 04.824,8395

Hai bên cùng nhau thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số 0102 – 01/HĐKT.

Ngày 01/06/2006 đã được ký giữa 2 bên, gồm những nội dung sau:

I. PHẦN HỢP ĐỒNG

Công ty TM và kỹ thuật Sơn Hà - Hà Nội bán cho công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình trọn bộ máy vi tính và máy in. Quy cách chất lượng, giá cả (theo hợp đồng đã ký kèm theo).

II. PHẦN THỰC HIỆN

Cả hai bên đều thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng số 0102 – 01/HĐKT. Công ty TM và kỹ thuật Sơn Hà - Hà Nội đã giao hàng kèm theo các chứng từ, hoá đơn hợp lệ và các thủ tục giao nhận đầy đủ.

III. KẾT LUẬN

- Bên A đã nhận trọn bộ máy vi tính và máy in đầy đủ. Như vậy công ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình thanh toán đầy đủ số tiền hợp đồng cho công ty TM và kỹ thuật Sơn Hà - Hà Nội với số tiền là 23.342.000đ (Hai mươi triệu ba trăm bốn hai nghìn đồng) bằng tiền mặt.
- Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng và xác định hợp đồng kinh tế số 0102 – 01/HĐKT ngày 16/09/2009 hết hiệu lực thực hiện.

Hai bên tiếp tục thực hiện những điều cam kết trong biên bản này thực hiện xong trong tháng 09/2009. Biên bản này làm thành bốn bản bên A giữ hai bản , bên B giữ hai bản đều có giá trị pháp lí như nhau.

**ĐẠI DIỆN C.TY THƯƠNG MẠI
PHẦN**

(đã ký)

ĐẠI DIỆN C.TY CỔ

(đã ký)

SỔ CHI TIẾT TẶNG TSCĐ

Tháng 09 năm 2009

<i>NT ghi số</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Số tiền phát sinh</i>	
	<i>SH</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>

16/09	CT 004	16/09/09	Mua bộ máy tính xách tay và máy in	211	21.220.000	
				1331	2.122.000	
				111		23.342.000
			Tổng cộng		23.342.000	23.342.000

BẢNG TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH TĂNG TSCĐ THÁNG 09 NĂM 2009

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Nguồn vốn hình thành
1	Bộ máy in và máy tính xách tay	21.220.000	Quỹ đầu tư phát triển
	Cộng	21.220.000	

Mẫu số 02 – TSCĐ

Ban hành theo QĐ số 1141 – TC/QSSKT

Ngày 01/11/1995 của bộ tài chính

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:

- Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 0102 – 01/HĐKT ngày 16 tháng 09 năm 2009
- Tên, ký hiệu, quy cách: bộ máy tính sách tay và máy in
- Bộ phận quản lý sử dụng: bộ phận thi công, đưa vào sử dụng năm 2009

SH TC	Nguyên giá TSCĐ							Giá trị hao mòn TSCĐ		
	NT	Diễn giải	Nguyên giá	Nguồn vốn KHCB	Vốn vay	Vốn vay NH	Vốn liên doanh	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
		Mua mới	21.220.000							

KẾ TOÁN

KTT

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: công ty CP bê tông thép NB

Số: 01

CHỨNG TỪ GHI SỐ

Ngày 20 tháng 5 năm 2009

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu TK</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>Thanh toán tiền mua bộ máy tính xách tay và máy in</i>	<i>211</i>		<i>21.220.000</i>	
<i>Thanh toán tiền thuế VAT</i>	<i>1332</i>		<i>21.220.000</i>	

		<i>111</i>		
<i>Cộng</i>			<i>23.342.000</i>	

Kèm theo.....chứng từ gốc.

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty CP bê tông thép NB

Số: 02

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 29 tháng 05 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
<i>Kết chuyển nguồn vốn</i>	414		21.220.000	
		411		
Cộng			21.220.000	

Kèm theo.....chứng từ gốc.

Người lập

(Ký, họ tên)

C.ty cổ phần bê tông thép Ninh Bình *CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH LÝ TSCĐ

Kính gửi:- Ban giám đốc công ty

Hiện nay công ty có một ô tô vận tải năm 1993 đến nay đã sử dụng được 16 năm.

Nguyên giá: 400.000.000đ

Giá trị hao mòn: 320.000.000đ

Giá trị còn lại: 80.000.000đ

Bộ phận thi công đã nhiều lần tu sửa, nhưng nay vẫn không phát huy được công suất làm việc dẫn đến hiệu quả sử dụng không cao. Do đó bộ phận thi công chúng tôi đề nghị công ty thanh lý ô tô vận tải nói trên nói trên.

Kính mong công ty quan tâm giải quyết

Ninh Bình, ngày 02 tháng 09 năm 2009

Công ty cổ phần bê tông thép
Ninh Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :31/BBBS -TCHC

Ninh Bình, ngày 02 tháng 09 năm 2009

(V/v: Thành lập ban thanh lý TSCĐ Công ty)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH

- Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước về tổ chức, quản lý thanh lý TSCĐ trong các cơ quan hành chính, tổ chức kinh tế.

- Căn cứ phiếu trình đề nghị thanh lý ô tô vận tải của đội thi công ngày 02/09/2009 .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban thanh lý TSCĐ của công ty (Thanh lý xe UOát) gồm các ông có tên sau:

1. Ông Lương Xuân Lai - PGĐ - Trưởng ban
2. Ông Phạm Văn Hùng - TP.Kỹ thuật - Phó ban
3. Bà Phùng Thị Xuyên - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

Điều 2: Chức năng, nhiệm vụ của ban thanh lý:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng thực tế TS tại thời điểm thanh lý.

- Tập hợp, kiểm tra, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục thanh lý, trình giám đốc ra quyết định thanh lý tài sản cố định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông trưởng phòng và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Như trên

(Đã ký)

- Lưu PTC.HC, KT.TK.TC

- Lưu VT

Công ty cổ phần bê tông thép Ninh

Bình

Mẫu số: 01 - TSCĐ

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 05 tháng 09 năm 2009

Nợ: 811 + 214

Có: 211

Căn cứ vào quyết định số 141UV - KT ngày 02 tháng 09 năm 2009 của ban giám đốc về thanh lý TSCĐ

I. Ban thanh lý TSCĐ

1. Ông Lương Xuân Lai - PGĐ - Trưởng ban

2. Ông Phạm Văn Hùng - TP.Kỹ thuật - Phó ban

3. Bà Phùng Thị Xuyên - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

Tên mã hiệu quy cách TSCĐ: ô tô vận tải

Nước sản xuất: Việt - Nhật

Năm sản xuất: 1991

Năm đưa vào sử dụng: 1993

NG TSCĐ: 400.000.000đ

Giá trị hao mòn đến khi thanh lý: 320.000.000đ

Giá trị còn lại của TSCĐ: 80.000.000đ

III. Quyết định của ban thanh lý TSCĐ

Ô tô vận tải đã hư hỏng nặng không sửa chữa được nên quyết định cho thanh lý.

IV. Kết quả thanh lý:

Chi phí thanh lý TSCĐ: 0

Giá trị thu hồi: 60.000.000đ

Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 05 tháng 09 năm 2009

Ngày 05 tháng 09 năm 2009

TRƯỞNG BAN THANH LÝ

(Ký, họ tên)

PHIẾU THU

Ngày 05 tháng 09 năm 2009

Nợ TK: 111

Có TK: 711

Có: 33311

Họ tên người nộp: Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ: Cty xây dựng số 02

Lý do nộp: Thanh lý ô tô vận tải

Số tiền: 60.000.000đ

Viết bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 05 tháng 09 năm 2009

Mẫu số 05 - TSCĐ

1. Căn cứ vào biên bản bàn giao TSCĐ ngày 05 tháng 09 năm 2009

Tên TSCĐ: ô tô vận tải

Năm đưa vào sử dụng: 2006

Đình chỉ sử dụng: 2009

Lý do: Thanh lý ô tô vận tải

ĐVT: đồng

Chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	NT	Diễn giải	NG	Năm giảm	GT hao mòn	GT còn lại
	05/09/2009	Thanh lý Ô tô vận tải	400.000.000	2009	320.000.000	80.000.000

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁM TSCĐ

THÁNG NĂM 2009

ĐVT: đồng

<i>Ngày, tháng</i>	<i>Tên TSCĐ</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>GTCL</i>
<i>24/04/2009</i>	<i>Thanh lý 1 xe ô tô vận tải</i>	<i>400.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
	<i>Cộng</i>	<i>400.000.000</i>	<i>80.000.000</i>

Đơn vị: công ty CP bê tông thép Ninh Bình

Số:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

DVT: đồng

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu TK</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>Thanh lý xe ô tô</i>	<i>811</i>		<i>80 000 000</i>	
	<i>214</i>		<i>320 000 000</i>	
		<i>211</i>		
<i>Cộng</i>			<i>400 000 000</i>	

Kèm theo.....chứng từ gốc.

Người lập

(Ký, họ tên)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>		1 250 360 000	
		<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			

04	20/01	Mua máy vi tính	111	21 220 000	
04	30/04	Thanh lý ô tô	811		20 000 000
			214		80 000 000
		Cộng số phát sinh		21 220 000	100 000 000
		Số dư cuối tháng		1 171.580.000	

Giám đốc

(ký tên, đóng dấu)

Kế toán

(ký, họ tên)

Người lập biểu

(ký, họ tên)

2.3.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:

Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên công ty có cách tính lương như sau:

Chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT) là những khoản tiền trả cho công nhân trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm, bao gồm: tiền lương cho công nhân sản xuất và các khoản lương khác.

Các khoản chi trả cho công nhân sản xuất tính vào CPNCTT ở công ty CP Bê tông thép NB bao gồm:

+ Lương sản phẩm.

+ Lương bổ sung: gồm các khoản chi trả cho công nhân trực tiếp sản xuất trong thời gian nghỉ lễ, phép, hội họp...

+ Các khoản phụ cấp trách nhiệm, độc hại.

*** Lương sản phẩm:**

Hiện tại, công ty CP Bê tông thép NB đang thực hiện trả lương cho công nhân theo hình thức lương sản phẩm. Đó là khoản tiền công ty chi trả cho công nhân dựa trên tổng số sản phẩm sản xuất ra và ngày công thực tế của công nhân trực tiếp sản xuất. Trước hết, căn cứ vào số sản phẩm sản xuất ra trong tháng và đơn giá tiền lương của mỗi loại sản phẩm, kế toán lương lập báo cáo sản phẩm thực hiện trong tháng theo từng phân xưởng, công trường sản xuất:

PHIẾU NGHIỆM THU

Ngày 15/3/2009

1. *Tổ Nghiên xi măng*

2. *Nội dung công việc và khối lượng hoàn thành*

650 bao = 32 tấn

- *Xúc nghiền, đóng bao, vận chuyển xi măng xếp chồng 6 bao = 32 tấn*

- *Vận chuyển thạch cao xanh = 0.915 tấn (chín tạ mười lăm cân)*

3. *Ý kiến kỹ thuật nghiệm thu*

Năng suất máy: 3.83

Giờ máy hoạt động: 8 giờ

Độ mịn sản phẩm: 9.0%

Giám đốc

Kế hoạch

Thủ kho

Kỹ thuật

Tổ sản xuất

Công ty CP bê tông thép Ninh Bình

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG

Tháng 3 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên bộ phận	Lương sản phẩm		Trách nhiệm		Tổng số	Các khoản phải khấu trừ			Còn lĩnh	
		SC	Số tiền	% TN	Số tiền		BH	Ăn ca	TN	Số tiền	K N
I	Bộ phận QLDN										
1	Lãnh đạo	112	15 480 749		2467 000	17 947 749	408 000			17 539 749	
2	Nghiệp vụ	450	52 109 742		1 068 000	53 178 282	1 131 000			52 047 282	
3	Kế hoạch	203	24 500 000		985 070	25 485 070	574 800			24 910 270	
	...										
II	Công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm										

1	Phân xưởng cán thép	356	40 579 630		304 318	40 883 946	1 039 392	1 990 000		37 854 554	
2	Phân xưởng bê tông	302	42 381 190		285 300	42 666 490	887 760	623 500		41 155 230	
3	Phân xưởng cán	328	40 937 157		268 396	41 205 553	948 900	730 000		39 526 653	
	...										
	Tổng cộng		2 666 786 873		15934 708	2 682 721 581	48 279 868	84 261 386		2 550 180 327	

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ TL- BHXH

Tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

TT	TK ghi nợ	TK ghi có	TK 334				TK 338				Tổng cộng
			Lương chính	Lương phụ	≠	Cộng	BHXH	BHYT	KPCĐ	Cộng	

1	TK 622 CPNCTT	2 345 456.760		14.500.000	2.359.956.760	351.818.514	46.909.135	46.909.135	445.636.784	2.805.593.544
2	Tk 627 CPSXC	216.270.986			216.270.986	32.440.648	4.325.420	4.325.420	41.091.487	257.362.473
3	TK 642 CPQLDN	105.059.127		1.434.708	106.493.835	15.758.869	2.101.183	2.101.183	19.961.234	
4	TK 334					133.339.344	2 6.667.869		160.007.212	160.007.212
	Cộng	2 666 786 873		15934 708	2 682 721 581	533.357.380	80.003.607	53.335.738	666.696.717	3.349.418.298

Đơn vị: công ty CP bê tông thép NB

Số:

Chứng từ ghi sổ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu TK</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>Lương phải trả</i>				
<i>Lương CNTT SX</i>	622		2.359.956.760	
<i>Lương NVQL</i>	627		216.270.986	
<i>Lương NVQLDN</i>	642		106.493.835	
		334		
<i>Cộng</i>			2 682 721 581	

Kèm theo..2.....chứng từ gốc.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị: công ty CP bê tông thép NB

Số:

Chứng từ ghi sổ

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu TK</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
	334			

<i>Khấu trừ vào lương</i>		<i>338</i>	<i>160.007.212</i>	
<i>Cộng</i>			<i>160.007.212</i>	

Kèm theo.....chứng từ gốc.

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

SỔ CÁI

Tên TK: Phải trả người lao động

Số hiệu: 334

Tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

CTGS		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền	
Số	N, T			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			0
		Số phát sinh trong kỳ			
1		lương phải trả CNTTSX	622		2.359.956.760
		Lương NVQL	627		216.270.986
		Lương NV QLDN	642		106.493.835
		Khấu trừ vào lương	338	160.007.212	
		Trả lương	111	2.552.714.369	
		Cộng phát sinh		2 682 721 581	2 682 721 581
		Số dư cuối kỳ			0

Giám đốc

(ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Đơn vị: công ty CP bê tông thép NB

Số:

Chứng từ ghi sổ

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu TK</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>Trích BHXH.BHYT,KPCĐ</i>				
<i>CNTTSX</i>	<i>622</i>		<i>445.636.784</i>	
<i>NVQL</i>	<i>627</i>		<i>41.091.487</i>	
<i>NV QLDN</i>	<i>642</i>		<i>19.961.234</i>	
	<i>334</i>		<i>160.007.212</i>	
		<i>338</i>		
<i>Cộng</i>			<i>666.696.717</i>	

Kèm theo.....chứng từ gốc.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

SỔ CÁI

Tên TK: Phải trả phải nộp khác

Số hiệu: 338

Tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

CTGS	Diễn giải	TK	Số tiền
-------------	------------------	-----------	----------------

<i>Số</i>	<i>N, T</i>		<i>Đ.U</i>	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			<i>0</i>
		<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
<i>1</i>		<i>CNTTSX</i>	<i>622</i>		<i>445.636.784</i>
		<i>NVQL</i>	<i>627</i>		<i>41.091.487</i>
		<i>NV QLDN</i>	<i>642</i>		<i>19.961.234</i>
			<i>334</i>		<i>160.007.212</i>
		<i>Thanh toán cho cấp trên</i>	<i>112</i>	<i>666.696.717</i>	
		<i>Cộng phát sinh</i>		<i>666.696.717</i>	<i>666.696.717</i>
		<i>Dư cuối kỳ</i>			<i>0</i>

Giám đốc

(ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập biểu

(ký, họ tên)

2.4.Kế toán thành phẩm và tiêu thụ

Đơn vị: CTCP Bê Tông Thép Ninh Bình

PHIẾU BÁN SẢN PHẨM HÀNG HOÁ

Tên khách hàng: Nguyễn Văn Lượng

Địa chỉ: Phường Ninh phong- Thành phố Ninh Bình.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

<i>STT</i>	<i>Tên sản phẩm</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
<i>1</i>	<i>Thép Φ 13</i>	<i>Kg</i>	<i>20.000</i>	<i>10.500</i>	<i>210.000.000</i>
	<i>Tổng cộng</i>		<i>20.000</i>		<i>210.000.000</i>

Ngày 5 tháng 9 năm 2009

Trưởng phòng thị trường

(Đã ký)

Người lập biểu

(Đã ký)

GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP SẢN PHẨM

Kính gửi: Ban lãnh đạo công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh bình

Phân xưởng cán thép đề nghị nhập sản phẩm sản xuất trong tháng 9 năm 2009. Cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Loại sản phẩm</i>	<i>Phân loại</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Nhập kho</i>
<i>1</i>	<i>Thép Φ 13</i>	<i>Thành phẩm</i>	<i>Kg</i>	<i>60.154</i>	<i>Ô Nho</i>
<i>2</i>	<i>Thép Φ 13</i>	<i>Ngăn đoạn</i>	<i>Kg</i>	<i>6.622</i>	<i>“</i>
<i>3</i>	<i>Thép Φ 14</i>	<i>Thành phẩm</i>	<i>Kg</i>	<i>114.996</i>	<i>“</i>
<i>4</i>	<i>Thép Φ 14</i>	<i>Ngăn đoạn</i>	<i>Kg</i>	<i>27.620</i>	<i>“</i>
<i>5</i>	<i>Thép Φ 16</i>	<i>Thành phẩm</i>	<i>Kg</i>	<i>87.412</i>	<i>“</i>

6	Thép Φ 16	Ngăn đoạn	Kg	34.408	“
7	Thép Φ 18	Thành phẩm	Kg	169.968	“
8	Thép Φ 18	Ngăn đoạn	Kg	15.048	“
9	Thép Φ 20	Thành phẩm	Kg	67.858	“
10	Thép Φ 20	Ngăn đoạn	Kg	5.500	“
...	
	Tổng cộng			589.586	

Lãnh đạo duyệt

Phòng KH- KT

Thủ kho thép

Quản đốc PX

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đơn vị: CTCP Bê Tông Thép
Ninh Bình

THẺ KHO

Mẫu số: 06 – VT

Theo QĐ: 186-TC/CDK

Tên kho: Kho thép thành phẩm

Ngày lập thẻ: 01/1/2009

Ngày 14 tháng 3 năm
1990

Số tờ:.....

Tên quy cách vật tư: Thép Φ 13

của Bộ trưởng Bộ Tài
chính

Đơn vị tính: Kg

Mã số:

<i>T</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Trích yếu</i>	<i>Ngày nhập xuất</i>	<i>Số lượng</i>			<i>Ký xác nhận của kế toán</i>
	<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày</i>			<i>Nhập</i>	<i>Xuất</i>	<i>Tồn</i>	
<i>1</i>							<i>215.000</i>	
<i>2</i>	<i>01</i>	<i>30/9</i>	<i>Nhập PX Cán</i>	<i>31</i>	<i>65.000</i>			
<i>3</i>	<i>01</i>	<i>2/9</i>	<i>Xuất Ô Lượg</i>	<i>2/9</i>		<i>20.000</i>		
			<i>Tổng cộng</i>				<i>260.000</i>	

Đơn vị: CTCP Bê Tông Thép

PHIẾU NHẬP KHO

Mẫu số: 01 – VT

Ninh Bình

*Theo QĐ: 15/2006QĐ-
BTC*

Ngày 10 tháng 10.năm 2009

*Ngày 20 tháng 3 năm
2006*

*Địa chỉ: Phường Ninh Phong -
TPNB*

*của Bộ trưởng Bộ Tài
chính*

Nợ: TK 155 Số:198

Có: TK 154

Họ tên người giao hàng: Ô Trọng – Phân xưởng Cán thép

Theo hoá đơn GTGT số:ngày.....tháng.....năm....của.....

.....

Nhập tại kho: Ô Nho

Địa điểm: Kho công ty

<i>STT</i>	<i>Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)</i>	<i>Mã Số</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>		<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
				<i>Theo Chứng từ</i>	<i>Thực Nhập</i>		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
<i>1</i>	<i>Thép Φ 13</i>		<i>Tấn</i>		<i>60,154</i>	<i>10.200</i>	<i>613.570.800</i>
	<i>Thép Φ 14</i>		<i>Tấn</i>		<i>54.966</i>	<i>10.105</i>	<i>555.431.430</i>
	<i>Tổng cộng</i>		<i>.....</i>	<i>.....</i>	<i>.....</i>	<i>.....</i>	<i>6.589.000.000</i>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Sáu tỷ năm trăm tám chín triệu đồng chẵn./.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Người lập phiếu

(Đã ký)

Người giao hàng

(Đã ký)

Thủ kho

(Đã ký)

*Kế toán trưởng hoặc
bộ phận có nhu cầu
nhập*

(Đã ký)

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Mẫu số 01/GTKT - 3LL

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: LG/2008B

Ngày 5 tháng 9 năm 2009

Số: 123

Đơn vị bán hàng: Công ty CP BêTông Thép Ninh Bình

Địa chỉ: Phường Ninh Phong – Thành phố Ninh Bình

Số TK:

Điện thoại:

MST:

2	7	0	0	1	3	4	8	9	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ tên người mua hàng: Ông Nguyễn Văn Lượng

Tên đơn vị: Công ty TNHH Minh Lượng

Địa chỉ: Phường Ninh Phong – TP Ninh Bình

Số TK: _____

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST:

2	7	0	0	1	5	6	3	7	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 2x1
1	Thép Φ 13	Kg	20.000	10.000	200.000.000
Cộng tiền hàng:					200.000.000

<i>Thuế suất GTGT: 10% x50%</i>	<i>Tiền thuế GTGT:</i>	<i>10.000.000</i>
	<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>	<i>210.000.000</i>

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười triệu đồng./.

Người mua hàng

(Đã ký)

Người bán hàng

(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 9 năm 2009

Tên tài khoản : 155

Tên kho: Ông Nho - Kho Công ty

Tên, quy cách hàng hoá: Thép Φ 13

Đơn vị tính: 1000đ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số Hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
									215	2.150.000
1	3/9	Nhập sản phẩm T9/09	154	10.200	60.154	613.570,8				
2	5/9	Xuất bán	632	10.500			20.000	210.000.

		<i>Cộng</i>							<i>1.548.000</i>

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người ghi số

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN KHO HÀNG HOÁ

Tháng 9 năm 2009

Đơn vị: 1000đ

STT	Tên hàng	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Thép Φ13	Kg	215	2.150.000	60,154	613.570,8	20	200.000	255.154	2.563.570
2	Cột ly tâm 8,5	Cột	500	1.600.000	150	480.000	15	49.999	635	2.030.010

	Cộng			5.125.000		1.250.000		890.000		3.256.000

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người ghi số

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Đơn vị: Công ty CP Bê Tông Thép Ninh Bình

Mẫu số: S 02a – DN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:01

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Nhập kho thành phẩm	155			
Từ sản xuất		154	613.570.800	
...	
Cộng			1.200.000.000	

Kèm theo chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đã ký

Đã ký

Công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình

Mẫu số: S 02a – DN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>Xuất kho hàng hoá</i>	<i>632</i>			
		<i>155</i>	<i>210.000.000</i>	
<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	

Cộng			510.240.000	
-------------	--	--	-------------	--

Kèm theo..... chứng từ gốc.

Ngày tháng năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đã ký

Đã ký

Đơn vị: CTCP Bê Tông Thép

Ninh Bình

SỐ CÁI

Tháng 9 năm 2009

Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng Bộ Tài

chính

Tài khoản: 155 – Thành phẩm

(ĐVT:1000 đồng)

NT	CTGS		Diễn giải	TK Đ.U'	Số tiền		Ghi Chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu tháng		5.125.000		
			Số PS trong tháng				
30/9	1	30/9	Nhập Thành phẩm T9	154	613.570		
30/9	7	30/9	Nhập thành phẩm T9	154	480.000		
30/9	2	30/9	Xuất bán	632		210.000	
30/9	2	30/9	Xuất bán	632		52.500	
.....
			Cộng phát sinh		1.250.000	890.000	
			Số dư cuối tháng		3.256.000		

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

Công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thép Φ 13

Tháng 9 năm 2009

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số Hiệu	Ngày Tháng			Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521, 531,532)
30/9	123	5/9	Xuất bán tiền mặt	111	20	10.000	200.000	10.000	
.....	
Cộng phát sinh:							2.560.000		
- Doanh thu thuần							2.560.000		
- Giá vốn hàng bán							2.346.000		
- Lãi gộp							214.000		

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình

Mẫu số: SO2a- DN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hoá</i>				
<i>Thu tiền bán hàng bằng tiền mặt</i>	<i>111</i>		<i>200.000.000</i>	
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>131</i>		<i>50.000.000</i>	
<i>Thu tiền bán hàng bằng TGNH</i>	<i>112</i>		<i>150.000.000</i>	
...
		<i>511</i>		
Cộng			1.059.000.000	

Kèm theo chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Đơn vị: CTCP Bê Tông Thép Ninh
Bình

Địa chỉ: Phường Ninh Phong- TP NB

SỔ CÁI

Tháng 9 năm 2009

Ban Hành theo QĐ số
15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng Bộ Tài
chính

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng

(ĐVT: 1000đồng)

NT	CTGS		Diễn giải	TK Đ.Ư	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu tháng				
			Số PS trong tháng				
30/9	03	30/9	Thu tiền bán hàng	111		200.000	
30/9	04	30/9	Phải thu của khác	131		50.000	
30/9	05	30/9	Thu tiền bán hàng	112		150.000	
....
			Kết chuyển doanh thu sang xác định kết quả	911	1.059.000		
			Cộng phát sinh		1.059.000	1.059.000	
			Số dư cuối tháng				

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

2.5. Kế toán tập hợp chi phí và tình giá thành sản phẩm:

2.5.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

- Nội dung:

Công ty sản xuất hai mặt hàng chính là thép xây dựng và mặt hàng bê tông đúc sẵn, cột điện ly tâm cao thế, hạ thế.... Chi phí NVL trực tiếp trong công ty bao gồm các khoản chi về NVL chính như: thép phế liệu, cát, xi măng... Vật liệu phụ như: que hàn,... Nhiên liệu như: than, dầu,...

- Tên Tài khoản sử dụng : Tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Số hiệu TK: TK 621

** Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết tài khoản nguyên vật liệu:*

Song do đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất của công ty, chi phí NVL phải được bỏ vào sản xuất ở rất nhiều các công đoạn khác nhau nên để thuận tiện cho việc tập hợp chi phí NVL hiện nay công ty mở chi tiết cho TK 621 theo từng phân xưởng:

+ TK 621.1: Chi phí NVLTT cho PX. Luyện thép

+ TK 621.2: Chi phí NVLTT cho PX. Cán thép

+ TK 621.3: Chi phí NVLTT cho PX. Bê tông

Căn cứ vào bảng kê chi tiết xuất vật tư kế toán lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Công ty CP

Mẫu số : 07-VT

Bê tông thép Ninh Bình

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 11 năm 2009

<i>Ghi có TK</i>		<i>TK 152.1</i>		<i>TK 152.2</i>		<i>Cộng</i>		<i>TK 153</i>	
<i>Ghi nợ TK</i>									
<i>SH TK</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Giá HT</i>	<i>Giá TT</i>	<i>Giá HT</i>	<i>Giá TT</i>	<i>Giá HT</i>	<i>Giá TT</i>	<i>Giá HT</i>	<i>Giá TT</i>
1.TK 621			1 207 445 400		20 917 074		1 228 362 474		
-PX luyện thép			202 098 300		9 087 264		211 185 564		
	<i>Phôi thời</i>		138 385 300		4 265 378		142 650 678		
	<i>Khuôn đúc</i>		27 253 800		2 167 341		29 421 141		
		
- PX cán thép			349 631 000		6 546 635		356 177 635		
	<i>Thép gai</i>		96 546 700		2 556 391		99 103 091		
	<i>Thép tròn</i>		82 161 300		1 123 500		83 284 800		

		
- PX Bê tông			655.716.100		5.283.175				
2.TK 627			4 450 700		149 541 400		153 992 100		88 338 100
- PX luyện					29 863 009		29 863 009		24 842 900
- PX cán					14 863 304		14 863 304		20 726 900
...
3.TK 641			714 300		4 301 600		5 015 900		-
4.TK 642			-		6 149 700		6 149 700		6 599 300
Tổng cộng			1 212 610 400		181409774		1 394 020 174		94 937 400

Số liệu trên bảng phân bổ NVL, CCDC thể hiện giá trị thực tế NVL xuất dùng trực tiếp vào việc sản xuất sản phẩm trong tháng 11 là 1.228.362.474^d. Kế toán tổng hợp ghi vào chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 621: 1.228.362.474

Có Tk 1521: 1.207.445.400

Có Tk 1522: 20.917.074

Sau đó cuối tháng kết chuyển chi phí NVL trực tiếp sang Tk 154 kế toán ghi:

Nợ Tk 154: 1.228.362.474

Có Tk 621: 1.228.362.474

- Vào sổ chi tiết TK 621
- Căn cứ lập các “ Chứng từ ghi sổ”

Cơ sở lập:

- Bảng kê tổng hợp xuất vật tư

Mẫu số : S36-DN

Công ty cổ phần

bê tông thép ninh bình

SỔ CHI TIẾT (TK621)

chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phân xưởng: Cán thép

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F

30/11		30/11	NVL chi sản xuất thép gai	152	99 103 091		
30/11		30/11	NVL chi sản xuất thép tròn	152	62 075 100		
30/11		30/11		
30/11		30/11	Kết chuyển CPNVLTT	154		356 177 635	
			Cộng phát sinh		356 177 635	356 177 635	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009 Người

ghi số

Kế toán trưởng

Công ty CP

SỔ CHI TIẾT (TK621)

Bê tông thép Ninh Bình

chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Sản phẩm: Thép gai

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
30/11		30/11	NVL chính	152.1	96 546 700		
30/11		30/11	Vật liệu phụ	152.2	2 556 391		
30/11		30/11		
30/11		30/11	Kết chuyển CPNVLTT	154		99 103 091	
			Cộng phát sinh		99 103 091	99 103 091	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

* Quy trình ghi sổ tổng hợp:

Sau khi tập hợp xong toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ở từng phân xưởng, từng loại sản phẩm kế toán dựa trên bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vào chứng từ ghi sổ.

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cổ

bê tông thép ninh bình

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 11 năm 2009

Số: 343

(DVT: VND)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G
	31/11	Phân bổ NVLTT tháng 11 năm 2009	621	152	1 228 362 474	
		Cộng			1 228 362 474	

Ngày 31 tháng 11 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cổ phần

bê tông thép ninh bình

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 11 năm 2009

Số: 344

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G
	31/11	K/C chi phí NVLTT	154	621	1 228 362 474	
		Cộng			1 228 362 474	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cổ phần

bê tông thép ninh bình

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 11 năm 2009

Số: 34

(ĐVT: VNĐ)

<i>Chứng từ ghi số</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Chứng từ ghi số</i>		<i>Số tiền</i>
<i>Số</i>	<i>Ngày</i>		<i>Số</i>	<i>Ngày</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>
....
343	30/11/09	1 228 362 474	344	30/11/09	1 228 362 474
....
<i>Cộng tháng</i>			<i>Cộng tháng</i>		
<i>Cộng lũy kế từ đầu quý</i>			<i>Cộng lũy kế từ đầu quý</i>		

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02a-D

Công ty cổ

bê tông thép ninh bình

SỔ CÁI

TK: 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Dư đầu kì		-		
30/11	343	30/11	Phân bổ NVLTT	152	1 228 362 474		
30/11	354	30/11	K/c CP NVLTT	154		1 228 362 474	
			Cộng		1 228 362 474	1 228 362 474	
			Dư cuối kì		-		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

- Nội dung chi phí nhân công trực tiếp:

Đây là khoản mục bao gồm toàn bộ chi phí về tiền lương, phụ cấp, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương tính vào chi phí của toàn bộ nhân viên các phân xưởng.

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 622 Chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng phân xưởng:

+ TK 622.1: Chi phí nhân công trực tiếp PX.Luyện thép

+ TK 622.2: Chi phí nhân công trực tiếp PX. Cán thép.

+ TK 622.3: Chi phí nhân công trực tiếp PX.Bê tông.

* Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết:

Việc tính lương cho công nhân trực tiếp sản xuất trong công ty được thực hiện theo hình thức lương sản phẩm, khoán trực tiếp cho từng phân xưởng.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng lương phân xưởng được trả} \\ \text{trong tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn} \\ \text{thành trong tháng (đã nhập} \\ \text{kho)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá lương sản} \\ \text{phẩm} \end{array}$$

Tại mỗi phân xưởng, cán bộ quản lý trên cơ sở đơn giá lương của công ty sẽ xây dựng đơn giá lương cho từng công việc, từng giai đoạn gia công sản xuất sản phẩm cụ thể.

Sau đây sẽ là một số mẫu chứng từ, phục vụ cho công tác kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

Mẫu số : 11-LĐTL

Công ty cổ phần

Bê tông thép Ninh Bình

BẢNG PHÂN BỐ

LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

S	Ghi có TK	TK 334 -	TK 338 - phải trả phải nộp khác	Tổng cộng
---	-----------	----------	---------------------------------	-----------

<i>T</i>		<i>phải trả</i>	<i>KPCĐ</i>	<i>BHXH</i>	<i>BHYT</i>	<i>Cộng có TK</i>	
<i>T</i>	<i>Ghi nợ TK</i>	<i>CNV</i>				<i>338</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	TK 622:CP NCTT	235347126 4	47069425	353020690	4706942 5	447.159.540	280063080 4
	- 622.1	784232653	15684653	117634898	1568465 3	149004204	933236857
	+ <i>Phôi thổi</i>	125638437	2512769	18845765	2512769	23871303	149509740
	+ <i>Khuôn đúc</i>	201389154	4027783	30208373	4027783	38263939	239653093

	- 622.2	815799541	1631591	11236991	163191	15500193	97080144
	+ <i>Thép gai</i>	98547243	1970945	14782086	197095	18723976	11727129
	+ <i>Thép tròn</i>	115986000	2319720	17397900	231970	22037340	13802330

2	TK627- CPSXC	215255263	4305105	32288289	430515	4089849	25615373
	- <i>PX luyện thép</i>	68247792	1364955	10237170	136495	12967080	81214872
	- <i>PX can thép</i>	72573146	1451463	10885971	145143	1378887	86362043

3	TK 641- CPBH	208583068	4171661	31287460	417161	3963072	24821380
4	TK642- CPQLDN	210351600	4207032	31552740	402702	3996684	25031844
	Cộng	298766119 5	59753224	448149179	5975322 4	46074835	35553162

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi số

Kế toán trưởng

Công ty CP

SỔ CHI TIẾT (TK622)

Bê tông thép Ninh Bình

Chi phí nhân công trực tiếp

Phân xưởng: luyện thép

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Số tiền</i>		<i>Ghi chú</i>
	<i>Số</i>	<i>Ngày</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>F</i>

30/11		30/11	<i>Lương CNTT sản xuất</i>	334	2 353 471 264		
30/11		30/11	<i>Trích KPCĐ</i>	3382	47 069 425		
30/11		30/11	<i>Trích BHXH</i>	3383	353 020 690		
30/11		30/11	<i>Trích BHYT</i>	3384	47 069 425		
30/11		30/11	<i>Kết chuyển CPNCTT</i>	154		2 800 630 804	
			<i>Cộng phát sinh</i>		2 800 630 804	2 800 630 804	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

* Quy trình ghi sổ tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp.

Sau khi tập hợp xong toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp kế toán dựa trên bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương vào chứng từ ghi sổ.

Mẫu số : S02a-DN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 11 năm 2009

Số: 345

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G
	30/11	Phân bổ lương tháng 11 năm 2009	622			
		Lương của công nhân trực tiếp sản xuất		334	2 353 471 264	
		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ		338	447 159 540	
		Cộng			2 800 630 804	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02a-DN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 11 năm 2009

Số: 346

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G
	30/11	Kết chuyển chi phí				
		Chi phí nhân công trực tiếp	154			
				622	2 800 630 804	

		Cộng			2 800 630 804	
--	--	-------------	--	--	---------------	--

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02c1-DN

SỔ CÁI

TK: 622- Chi phí nhân công trực tiếp

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Dư đầu kỳ				
31/12	345	31/12	Phân bổ lương trả CNV	334	2 353 471 264		
31/12	346	31/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ	338	447 159 540		
31/12	354	31/12	K/c CP NC trực tiếp	154		2 800 630 804	
			Cộng		2 800 630 804	2 800 630 804	
			Dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.5.3. *Kế toán chi phí sản xuất chung:*

- *Nội dung chi phí sản xuất chung:*

Các khoản mục chi phí sản xuất chung : là những chi phí phục vụ sản xuất ở phân xưởng mà không được tính vào chi phí NVL TT và chi phí NC TT. Nội dung chi phí SXC ở công ty cổ phần Bê Tông Thép bao gồm:

- CP NVL dùng cho phân xưởng
- CP CCDC sản xuất
- CP nhân viên PX
- CP khấu hao TSCĐ
- CP lãi vay phải trả
- CP ca cầu, ca xe, xăng dầu phục vụ sản xuất
- CP độc hại và sửa chữa nhỏ TSCĐ
- CP điện nước phục vụ sản xuất
- CP khác bằng tiền

- *Tài khoản sử dụng:*

Các khoản mục chi phí này được theo dõi trên TK 627: CP sản xuất chung. Tài khoản này không được mở chi tiết đến TK cấp II.

* Quy trình ghi sổ chi tiết chi phí sản xuất chung:

a, *Khoản mục chi phí nhân viên phân xưởng.*

Phản ánh các khoản chi phí về tiền lương, phụ cấp, các khoản trích trên tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng.

b, Khoản mục chi phí NVL phục vụ sản xuất chung tại các phân xưởng

Kế toán căn cứ vào bảng phân bổ NVL, CCDC cột giá thực tế TK 152 đối ứng với dòng phản ánh chi phí sản xuất chung.

c, Khoản mục chi phí CCDC phục vụ sản xuất chung tại các phân xưởng

Do đặc thù sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là sản xuất VL XD nên các loại CCDC xuất dùng phục vụ thường có giá trị nhỏ, thời gian sử dụng ngắn nên không tiến hành phân bổ. Chi phí này phát sinh khi nào thì được tập hợp ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ đó.

Thủ tục xuất CCDC tương tự như với xuất NVL. Dòng cộng của “ Bảng phân bổ CCDC” là căn cứ để kế toán ghi vào “Bảng kê tập hợp chi phí sản xuất chung” được lập cho từng phân xưởng

d, Chi phí KH TSCĐ:

Tại công ty, việc trích KH TSCĐ được thực hiện theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.

Công ty tiến hành trích KH theo phương pháp đường thẳng. Nếu trong tháng có TSCĐ tăng hoặc giảm thì tiến hành trích hoặc thôi trích KH TSCĐ kể từ ngày phát sinh, công việc theo dõi KH TSCĐ do kế toán trưởng đảm nhiệm. Nói chung các nghiệp vụ mua sắm mới hay thanh lý tài sản cố định tại công ty ít xảy ra. Vì khối lượng TSCĐ lớn để cho đơn giản hoá việc theo dõi công ty thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Và trích tròn tháng

Số khấu hao TSCĐ

Nguyên giá TSCĐ* Tỷ lệ trích khấu hao

=

12

TK 627			TK 642
PX. Luyện	PX. Cán	Tổng cộng	
3	4	5	6
17 926 764	33 172 805	113 06431	26 410 713
17 926 764	33 172 805		
			26 410 713

Ngày 30 háng 11 năm 2009

KẾ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1 năm 2009

Diễn giải	Tổng số	PX.Bê tông
A	1	
Trích KH TSCĐ	21 326 895	61 967 862
Hao mòn TSCĐ	109 667 300	58 567 731
Hao mòn TSCĐ khác	3 400 131	3 400 131
Hao mòn TSCĐ văn phòng	26 410 713	

e, Chi phí điện nước :

- Khi phát sinh, kế toán căn cứ vào Phiếu chi , HĐ GTGT, GBN ..., ghi:

Nợ TK 627

Nợ TK 133 (nếu có)

(Chi tiết cho từng phân xưởng)

Có TK 111, 112, 331

- Hiện nay, Tiền điện nước phát sinh dựa tên đồng hồ nước và công tơ điện của từng bộ phận để lập bảng phân bổ chi phí điện nước.

Công ty Cp

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ ĐIỆN NƯỚC

Bê tông thép NB

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

<i>STT</i>	<i>Đối tượng sử dụng</i>	<i>Số tiền</i>
<i>1</i>	<i>Phân xưởng Bê tông</i>	<i>42572000</i>
<i>2</i>	<i>Phân xưởng luyện thép</i>	<i>20046000</i>
<i>3</i>	<i>Phân xưởng cán thép</i>	<i>28905000</i>
<i>4</i>	<i>Khối văn phòng</i>	<i>12512000</i>
	<i>Cộng</i>	<i>104035000</i>

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

f, Chi phí lãi vay phải trả:

Hàng tháng, khi nhận được BGC của ngân hàng, kế toán tiến hành ghi số liệu vào “ Bảng kê phân loại” ghi Có TK 112, ghi Nợ các TK,

Đây là căn cứ để cuối quý kế toán ghi:

Nợ TK 627

Có TK 112

Trên bảng kê, KT lập “ Chứng từ ghi sổ” và phân bổ chi phí lãi vay cho từng phân xưởng. Tiêu thức phân bổ là thời gian vốn nằm trong quá trình sản xuất. PX nào có thời gian luân chuyển vốn lâu hơn sẽ phải chịu CP lớn hơn vì vậy chu kỳ sản xuất và tiêu thụ càng dài thì chi phí lãi vay phải trả càng lớn.

Công ty CP

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ LÃI VAY PHẢI TRẢ

Bê tông thép NB

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

STT	Đối tượng sử dụng	Số tiền
1	Phân xưởng Bê tông	20 150 000
2	Phân xưởng Luyện thép	34 000 000
3	Phân xưởng Cán thép	14 600 000
	Cộng	68 750 000

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

g, Chi phí ca cầu, ca xe, xăng dầu:

Hàng tháng, hàng quý luôn luôn phát sinh chi phí này để phục vụ cho công tác dọn kho bãi, đưa sản phẩm của các phân xưởng ra khỏi bãi tập kết trước khi các sản phẩm nhập kho. Để phục vụ cho công tác này, công ty đã tiến hành ứng trước tiền cho đội xe. Số tiền ứng trước và hoàn ứng của đội xe được theo dõi trên TK 136: phải thu nội bộ.

Công ty CP

Bảng phân bổ chi phí ca cầu, ca xe, xăng dầu

Bê tông thép NB

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

STT	Đối tượng sử dụng	Số tiền
1	Phân xưởng Bê tông	41 560 000
2	Phân xưởng Luyện thép	36 200 000
3	Phân xưởng Cán thép	44 350 000
	Cộng	122 110 000

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

h, Chi phí độc hại và sửa chữa nhỏ TSCĐ:

Do đặc thù lao động là nặng nhọc và độc hại, nên công ty tiến hành trích 1 phần tiền trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, chi phí đó nó chính là chi phí độc hại. Khoản chi phí này được trả thông qua hình thức ăn ca nước giải khát uống trong lúc làm việc. Riêng việc sửa chữa nhỏ TSCĐ được công ty giao trực tiếp cho từng phân xưởng để việc sửa chữa được chủ động hơn.

Công ty CP

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ

Bê tông thép NB

ĐỘC HẠI VÀ SỬA CHỮA NHỎ TSCĐ

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

<i>STT</i>	<i>Đối tượng sử dụng</i>	<i>Số tiền</i>
-------------------	---------------------------------	-----------------------

1	<i>Phân xưởng Bê tông</i>	30 191 000
2	<i>Phân xưởng Luyện thép</i>	34 715 000
3	<i>Phân xưởng Cán thép</i>	21 798 000
	Cộng	86 704 000

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

i, Chi phí khác bằng tiền

Chi phí khác bằng tiền tại công ty chủ yếu là chi tiếp khách, hội nghị... Định mức khoản chi này do phòng tổ chức lao động quản lý, xét duyệt và cuối tháng chuyển chứng từ cho phòng kế toán

Công ty CP

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ KHÁC BẰNG TIỀN

Bê tông thép NB

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

STT	Đối tượng sử dụng	Số tiền
1	Phân xưởng Bê tông	215 540 000
2	Phân xưởng Luyện thép	123 580 000
3	Phân xưởng Cán thép	94 330 000
	Cộng	433 450 000

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

BẢNG KÊ TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG PHÂN XƯỞNG LUYỆN THÉP

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Đơn vị tính: 1000đ

<i>S</i>	<i>Ghi có các TK</i>	<i>111</i>	<i>112</i>	<i>136</i>	<i>152</i>	<i>153</i>	<i>214</i>	<i>331</i>	<i>334</i>	<i>338</i>	<i>Cộng</i>
<i>TT</i>											
1	CP NVL				29.863						29.863
2	CP CCDC					24.842					24.842
3	CP NVPX							68.247	12.967		81.214
4	CP KHTSCĐ						179.926				179.926
5	CP lãi vay phải trả		34.000								34.000
6	CP Điện nước							20.046			20.46
7	CP ca cầu			36.200							36.200

8	CP độc hại	34.715									34.715
9	CP khác	123.580									123.580
	Cộng	158.295	34.000	36.200	29.863	24.842	179.926	20.046	68.247	12.967	564.206

BẢNG KÊ TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG PHÂN XỬNG CÁN THÉP

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Đơn vị tính: 1000đ

S	Ghi chú TK	111	112	136	152	153	214	331	334	338	Cộng
TT											
1	CP NVL				14.863						14.852
2	CP CCDC					20.726					20.726,
3	CP NVPX								75.573	13.788	89.366

4	CP KHTSCĐ						33.172				33.172
5	CP lãi vay phải trả		14.600								14.600
6	CP Điện nước							28.905			28.905
7	CP ca cầu			44.350							44.350
8	CP độc hại	21.798									21.798
9	CP khác	94.330									94.330
	Cộng	116.128	14.600	44.350	14.863	20.726	33.172	28.905	75573	13788	362.099.

BẢNG KÊ TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG PHÂN XƯỞNG BÊ TÔNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: 1000đ

S	Ghi chú TK	111	112	136	152	153	214	331	334	338	Cộng
---	------------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------

<i>TT</i>											
<i>1</i>	<i>CP NVL</i>				<i>12.769</i>						<i>12.769</i>
<i>2</i>	<i>CP CCDC</i>					<i>26.837</i>					<i>26.837</i>
<i>3</i>	<i>CP NVPX</i>								<i>56.259</i>	<i>9.651</i>	<i>65.910</i>
<i>4</i>	<i>CP KHTSCĐ</i>						<i>61.967</i>				<i>61.967</i>
<i>5</i>	<i>CP lới vay phải trả</i>		<i>20.150</i>								<i>20.150</i>
<i>6</i>	<i>CP Điện nước</i>							<i>42.572</i>			<i>42.572</i>
<i>7</i>	<i>CP ca cầu</i>			<i>41.560</i>							<i>41.560</i>
<i>8</i>	<i>CP độc hại</i>	<i>30.191</i>									<i>30.191</i>
<i>9</i>	<i>CP khác</i>	<i>215.540</i>									<i>215.540</i>
	<i>Cộng</i>	<i>245.731</i>	<i>20.150</i>	<i>41.560</i>	<i>12.769</i>	<i>26.837</i>	<i>61.967</i>	<i>42.572</i>	<i>56.259</i>	<i>9.651</i>	<i>517.487</i>

Công ty CP

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Bê tông thép NB

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

<i>STT</i>	<i>Đối tượng sử dụng</i>	<i>Số tiền</i>
<i>I</i>	<i>Phân xưởng Luyện thép</i>	564.206.000
<i>1</i>	<i>Phôi thổi</i>	204 256 064
<i>2</i>	<i>Khuôn đúc thổi</i>	42 127 009
.....
<i>II</i>	<i>Phân xưởng cán thép</i>	362 099 000
<i>1</i>	<i>Thép gai</i>	72 926 606
<i>2</i>	<i>Thép tròn</i>	61 286 462
.....
.....
	<i>Cộng toàn công ty</i>	1.443.792.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Công ty cp
bê tông thép ninh bình

SỔ CHI TIẾT (TK627)
chi phí sản xuất chung

Phân xưởng: Cán thép

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị: VNĐ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
30/11		30/11	CPSXC chi SX thép gai	152	72 926 606		
30/11		30/11	CPSXC chi SX thép tròn	153	1 286 462		
...

30/11		30/11	Kết chuyển CPSXC	154		362.099.052	
			Cộng phát sinh		362.099.052	362.099.052	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

* Quy trình ghi sổ tổng hợp chi phí sản xuất chung.

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cp

Chứng từ ghi sổ

bê tông thép ninh bình

Số: 347

Chứng từ	Trích yếu	Số hiệu TK	Số tiền	Ghi chú
----------	-----------	------------	---------	---------

<i>Số</i>	<i>Ngày</i>		<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>G</i>
	30/11	CP NVL	627	152	153 992 100	
	30/11	CP CCDC		153	88 338 100	
	30/11	CP NVPX		334	215 255 263	
	30/11	Khoản trích theo lương NVPX		338	40 898 499	
	30/11	Cp Kh TSCĐ		214	113 067 432	
	30/11	CP lãi vay		112	68 750 000	
	30/11	CP điện nước		331	84 035 000	
	30/11	CP ca cấu		136	92 110 000	
	
		Cộng phát sinh			1.443.792.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cp

CHỨNG TỪ GHI SỔ

bê tông thép ninh bình

Số: 348

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G
	30/11	Bút toán kết chuyển				
		Chi phí sản xuất chung	154			
				627	1.443.792.000	
		Cộng phát sinh			1.443.792.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần

Mẫu số : S02b-DN

Bê tông thép NB

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ ghi số		Số tiền	Chứng từ ghi số		Số tiền
Số	Ngày		Số	Ngày	
A	B	I	A	B	I
....
347	30/11/09	1.443.792.000	348	30/11/09	1.443.792.000
....
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ			Cộng lũy kế từ		
đầu quý			đầu quý		

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02c1-DN

SỔ CÁI

TK: 627- Chi phí sản xuất chung

Ngày ghi sổ	CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	

A	B	C	D	E	1	2	G
30/11		30/11	Số dư đầu kì		-		
30/11		30/11	CP NVL	152	153 992 100		
30/11		30/11	CP CCDC	153	88 338 100		
30/11		30/11	CP NVPX	334	215 255 263		
30/11		30/11	Các khoản trích theo lương	338	40 898 499		
30/11		30/11	CP điện nước	331	84 035 000		
30/11		30/11	CP lãi vay phải trả	112	68 750 000		
30/11		30/11	CP độc hại và sửa chữa nhỏ TSCĐ	111	86 704 000		
30/11		30/11	CP bằng tiền khác	111	53 450 000		
30/11		30/11	CP ca cầu, ca xe, xăng dầu	136	92 110 000		
30/11		30/11	CP KH TSCĐ	214	113 067 432		
30/11		30/11	K/c CP sản xuất	154		1.443.792.000	
30/11			Cộng		1.443.792.000	1.443.792.000	
			Số dư cuối quý		-		

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

2.5.4 Kế toán tổng hợp CPSX, kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang tại công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình.

2.5.4.1. Kiểm kê tính giá thành sản phẩm dở dang.

Do đặc thù của sản xuất và tính chất của sản phẩm nên sản phẩm của công ty không có sản phẩm dở dang. Đây là yếu tố thuận lợi cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành của sản phẩm.

2.5.4.2. Tổng hợp chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất toàn công ty được tập hợp riêng theo từng khoản mục phí: CP NVLTT, CP NCTT, CPSXC. Các khoản mục chi phí này được kết chuyển để tập hợp CPSX toàn công ty và chi tiết cho từng loại sản phẩm, trên cơ sở đó kế toán sử dụng vào phục vụ tính giá thành sản phẩm.

Công ty cp **Bảng tổng hợp CPSX toàn công ty**
bê tông thép ninh bình **Tháng 11 năm 2009**

<i>Khoản mục</i>	<i>PX luyện</i>	<i>PX cán</i>	<i>PX Bê Tông</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>1.CPNVLT</i>	<i>211 185 564</i>	<i>356 177 635</i>	<i>660 999 275</i>	<i>1 228 362 474</i>
<i>+VL chính</i>	<i>202 098 300</i>	<i>349 631 000</i>	<i>655 716 100</i>	<i>1 207 445 400</i>
<i>+VL phụ</i>	<i>9 087 264</i>	<i>6 546 635</i>	<i>5 283 175</i>	<i>20 917 074</i>
<i>2.CPNCTT</i>	<i>933 236 857</i>	<i>970 801 454</i>	<i>789 686 303</i>	<i>2.800.630.804</i>
<i>+Lương</i>	<i>784 232 653</i>	<i>815 799 541</i>	<i>753 439 070</i>	<i>2 353 471 264</i>
<i>Khoản trích theo lương</i>	<i>149 004 204</i>	<i>155 001 913</i>	<i>143.153.423</i>	<i>447.159.540</i>
<i>3. CPSXC</i>	<i>302 388 555</i>	<i>262 099 052</i>	<i>432 112 787</i>	<i>1.443.792.000</i>
<i>+ CPNVLPX</i>	<i>29 863 009</i>	<i>14 863 304</i>	<i>109 265 787</i>	<i>153 992 100</i>
<i>+ CP CCDC</i>	<i>24 842 900</i>	<i>20 726 900</i>	<i>42 768 300</i>	<i>88 338 100</i>
<i>+ CPNVPX</i>	<i>68 247 792</i>	<i>72 573 146</i>	<i>74 434 325</i>	<i>215 255 263</i>
<i>+ Khoản trích theo lương</i>	<i>12 967 080</i>	<i>13 788 897</i>	<i>14 142 522</i>	<i>40 898 499</i>

+ CP điện nước	20 046 000	28 905 000	42 572 000	91 523 000
+ CP lãi vay phải trả	34 000 000	14 600 000	20 150 000	68 750 000
+ CP độc hại và SC nhỏ	34 715 000	21 798 000	30 191 000	86 704 000
+CP bằng tiền khác	23 580 000	14 330 000	15 540 000	53 450 000
+ Cp ca cầu, xăng xe	36 200 000	44 350 000	41 560 000	112 110 000
+ CP KHTSCĐ	17 926 764	33 172 805	58 567 731	113 067 432
Cộng	1 446 810976	1 326 979089	1 882 798365	5.025.593.672

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Công ty cp

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

bê tông thép Ninh Bình

Sản phẩm: *thép gai*

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị: VND

<i>STT</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
<i>1</i>	<i>- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	<i>99 103 091</i>
<i>2</i>	<i>- Chi phí nhân công trực tiếp</i>	<i>117 271 219</i>
<i>3</i>	<i>- Chi phí sản xuất chung</i>	<i>72 926 606</i>
	<i>Cộng</i>	<i>289 300 916</i>

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

2.5.4.3 Tính giá thành sản phẩm hoàn thành tại công ty cổ phần Bê Tông Thép Ninh Bình.

*** Đối tượng và phương pháp tính giá thành của công ty.**

Đối tượng tính giá thành của công ty được tính cho từng loại sản phẩm, ở từng phân xưởng sản xuất theo từng tháng.

***- Quy trình tính giá thành.**

Vào thời điểm cuối tháng, sau khi đã tổng hợp, tính toán được về số liệu chi phí sản xuất quý, kế toán giá thành tiến hành tính giá thành cho sản phẩm hoàn thành.

Bảng tính giá thành sản xuất

Đối tượng: Thép gai

Sản lượng: 98 000kg

ĐVT:Đồng

<i>Khoản mục CP</i>	<i>SP dở dang đầu kì</i>	<i>Chi phí phát sinh trong kì</i>	<i>SP dở dang cuối kì</i>	<i>Tổng giá thành</i>	<i>Giá thành đơn vị sản phẩm</i>
<i>1.CPNVLT</i>		<i>99 103 091</i>		<i>99103091</i>	<i>1 011</i>
<i>2.CPNCTT</i>		<i>117 271 219</i>		<i>117 271 219</i>	<i>1 196</i>
<i>3.CPSXC</i>		<i>72 926 606</i>		<i>72 926 606</i>	<i>744</i>
<i>Cộng</i>		<i>289 300 916</i>		<i>289300916</i>	<i>2951</i>

Số liệu này được ghi vào chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 155: 289300916đ

(Chi tiết thép gai)

Có TK 154: 289300916đ

(Chi tiết thép gai)

Tương tự như sản phẩm thép gai, kế toán thực hiện tính giá thành cho các sản phẩm hoàn thành khác dựa trên cơ sở số lượng từng loại sản phẩm hoàn thành

nhập kho do phòng sản xuất cung cấp. Tổng giá trị hoàn thành nhập kho trong tháng 11 là 4 625 682 000đ, kế toán ghi vào chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 155: 4 625 682 000đ

Có TK 154: 4 625 682 000đ

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cp

CHỨNG TỪ GHI SỔ

bê tông thép Ninh Bình

Số: 349

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G
		Các bút toán kết chuyển	154			
	30/11	Kết chuyển CP NVLTT		621	1 228 362 474	

	30/11	Kết chuyển CP CNTT		622	2 693 724 614	
	30/11	Kết chuyển CP SXC		627	996 600 394	
		Cộng phát sinh			4 918 687 482	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi số

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02a-DN

Công ty cp

CHỨNG TỪ GHI SỐ

bê tông thép ninh bình

Số: 350

(ĐVT: VNĐ)

<i>Chứng từ</i>		<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu TK</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>Số</i>	<i>Ngày</i>		<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>G</i>
	30/11	Nhập kho thành phẩm	155			
				154	4 625 682 000	
		Cộng			4 625 682 000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Tháng 11 năm 2009

(ĐVT: VNĐ)

Chứng từ ghi số		Số tiền	Chứng từ ghi số		Số tiền
Số	Ngày		Số	Ngày	
A	B	I	A	B	I
....
349	30/11/09	4 918 687 482	350	30/11/09	4 625 682 000
....
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ			Cộng lũy kế từ		
đầu quý			đầu quý		

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi số

Kế toán trưởng

Mẫu số : S02c1-DN

Công ty cp

bê tông thép ninh bình

SỔ CÁI

TK: 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngày ghi số	CTGS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
30/11		30/11	Số dư đầu kì		0		
30/11		30/11	Kết chuyển CP NVLTT	621	1 228 362 474		
30/11		30/11	Kết chuyển CP CNTT	622	2 693 724 614		

30/11		30/11	Kết chuyển CP SXC	627	996 600 394		
30/11		30/11	Nhập kho thành phẩm	155		4 625 682 000	
30/11			Cộng		4 918 687 482	4 625 682 000	
			Số dư cuối quý		293.005.482		

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẦN III

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP

“KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH”

3.1. Giới thiệu chuyên đề:

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình sản xuất vì vậy tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là một trong những bộ phận chủ yếu của công tác kế toán tại Công ty. Để tổ chức tốt công tác kế toán nguyên vật liệu trước tiên phải tìm hiểu đặc điểm của nguyên vật liệu sử dụng tại Công ty.

Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình chuyên sản xuất và cung cấp một lượng lớn các loại vật liệu xây dựng có chất lượng cao như: các sản phẩm bê tông, cột điện cao thế, hạ thế, thép các loại... và đồ mộc dân dụng nên nguyên vật liệu sử dụng tại

Công ty cũng rất phong phú và đa dạng. Tham gia thường xuyên vào quá trình sản xuất gồm có các loại nguyên vật liệu chủ yếu sau: xi măng, sắt, thép.... Giống với nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất khác, nguyên vật liệu của Công ty có các đặc điểm chung đó là đối tượng lao động chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, dưới tác động của lao động chúng đều bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển dịch hết một lần vào giá trị sản phẩm.

3.2. Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu:

** Khái niệm NVL:*

Trong các doanh nghiệp sản xuất NVL là những đối tượng lao động, thể hiện dưới dạng vật hoá là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, NVL bị tiêu hao toàn bộ và không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu mà giá trị của NVL được chuyển toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mới làm ra.

** Đặc điểm và vai trò của NVL trong quá trình sản xuất*

Trong các Doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây dựng cơ bản) vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho thuộc TSCĐ của Doanh nghiệp. Mặt khác, nó còn là những yếu tố không thể thiếu, là cơ sở vật chất và điều kiện để hình thành nên sản phẩm.

Chi phí về các loại vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các Doanh nghiệp sản xuất. Do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm, mà nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. NVL có đảm bảo đúng quy cách, chủng loại, sự đa dạng thì sản phẩm sản xuất mới đạt được yêu cầu và phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của Xã hội.

Như ta đã biết, trong quá trình sản xuất vật liệu bị tiêu hao toàn bộ không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó chuyển một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Do đó, tăng cường quản lý công tác kế toán NVL đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành

sản phẩm, tăng thu nhập cho Doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng. Việc quản lý vật liệu phải bao gồm các mặt như: số lượng cung cấp, chất lượng chủng loại và giá trị. Bởi vậy, công tác kế toán NVL là điều kiện không thể thiếu được trong toàn bộ công tác quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước nhằm cung cấp kịp thời đầy đủ và đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra được các định mức dự trữ, tiết kiệm vật liệu trong sản xuất, ngăn ngừa và hạn chế mất mát, hư hỏng, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Đặc biệt là cung cấp thông tin cho các bộ phận kế toán nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế toán quản trị.

3.3.Thực trạng tổ chức thực hiện công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần Bê tông - Thép Ninh Bình:

3.3.1.Phân loại và đánh giá VL - CCDC ở công ty:

3.3.1.1. Phân loại:

Công ty có khối lượng nguyên vật liệu lớn bao gồm nhiều chủng loại với tính chất lý hoá khác nhau, có công dụng, nội dung kinh tế khác nhau nên việc phân loại nguyên vật liệu là hết sức cần thiết cho công tác quản lý, hạch toán kế toán được chính xác, khoa học và tiện lợi. Căn cứ vào vai trò và nội dung kinh tế của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình được chia thành các loại sau:

* Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm như: xi măng, sắt, thép....

* Vật liệu phụ: cũng là đối tượng lao động, chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất được dùng với vật liệu chính làm tăng chất lượng sản phẩm, như hình dáng màu sắc hoàn chỉnh sản phẩm hoặc phục vụ cho công việc quản lý sản xuất. Vật liệu phụ bao gồm: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, sơn các loại, các loại phụ gia bê tông, dầu mỡ bôi trơn, xăng chạy máy....

* Nhiên liệu: là những vật liệu được sử dụng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, kinh doanh như phương tiện vận tải, máy móc thiết bị hoạt động

trong quá trình sản xuất. Nhiên liệu bao gồm các loại như: xăng dầu chạy máy, than củi, khí ga... Loại vật liệu này không được dự trữ mà đưa ngay vào sử dụng.

* Phụ tùng thay thế: là các chi tiết phụ tùng, sử dụng để thay thế sửa chữa các loại máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải như: bu lông, ốc, que hàn, mũi khoan...

* Vật liệu khác: là các loại vật liệu còn được xét vào các loại kể trên như phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định, từ sản xuất kinh doanh như bao bì, vật đóng gói...

* Phế liệu: là những loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất, thanh lý tài sản có thể sử dụng hay bán ra ngoài.(phôi bào, vải vụn...)

3.3.1.2. Đánh giá:

Tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế. Do nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty khá phong phú và ổn định nên giá nguyên vật liệu ít có biến động. Vì vậy tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế sẽ giúp cho công tác kế toán có thể theo dõi một cách đầy đủ các chi phí cấu thành nên giá trị nguyên vật liệu mua vào, giá trị nguyên vật liệu tiêu dùng cho sản xuất, phản ánh đúng giá cả nguyên vật liệu trên thị trường, đồng thời có thể hạch toán chính xác chi phí nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

*** Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:**

- Đối với vật liệu mua ngoài:

+ Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị mua ghi trên hoá đơn cộng với các chi phí thu mua thực tế (bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm...) cộng thuế nhập khẩu (nếu có) trừ các khoản giảm giá chiết khấu (nếu có). Giá mua ghi trên hoá đơn nếu tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì bằng giá chưa thuế, nếu tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì bằng giá có thuế

+ Đối với hoá đơn bán hàng thông thường giá nhập kho nguyên vật liệu bằng tổng số tiền thanh toán trên hóa đơn.

- Phế liệu thu hồi nhập kho: Trị giá thực tế nhập kho chính là giá ước tính thực tế có thể bán được.

*** *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:***

Sau khi nhập kho tùy thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh mà nguyên vật liệu sẽ được xuất ra để phục vụ cho quá trình sản xuất. Do nguyên vật liệu của Công ty được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, tại các thời điểm khác nhau, với giá mua khác nhau nên khi xuất dùng nguyên vật liệu kế toán thực hiện tính toán giá vốn thực tế cho các nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá xuất kho của nguyên vật liệu được tính vào cuối mỗi tháng.

Giá thực tế xuất kho nguyên vật liệu được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{NVL xuất kho} \end{array} = \text{Số lượng} \quad \times \quad \text{Đơn giá bình quân}$$

Trong đó:

Sử dụng phương pháp này là phù hợp với phần mềm kế toán máy, giúp cho việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho đơn giản và nhanh chóng. Tuy nhiên do trị giá nguyên vật liệu xuất kho được xác định trên cơ sở bình quân giá trị nguyên vật liệu tồn đầu tháng và toàn bộ nguyên vật liệu nhập trong tháng nên chỉ đến cuối tháng kế toán mới tính được giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Vì vậy, khi xuất nguyên vật liệu để sản xuất và sử dụng cho các nhu cầu khác kế toán chỉ có thể theo dõi về mặt số lượng, đến cuối tháng khi khoá sổ máy sẽ tự tính giá xuất theo chứng từ đã lập sẵn.

3.3.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

3.3.2.1. Chứng từ kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Hiện nay, phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu đang được áp dụng tại Công ty là phương pháp ghi thẻ song song. Về thủ tục, chứng từ và cách luân chuyển chứng từ bản chất cũng giống như khi thực hiện kế toán thủ công. Tuy nhiên với sự trợ giúp của phần mềm kế toán máy, quá trình kế toán chi tiết nguyên vật ở Công ty được tóm tắt như sau:

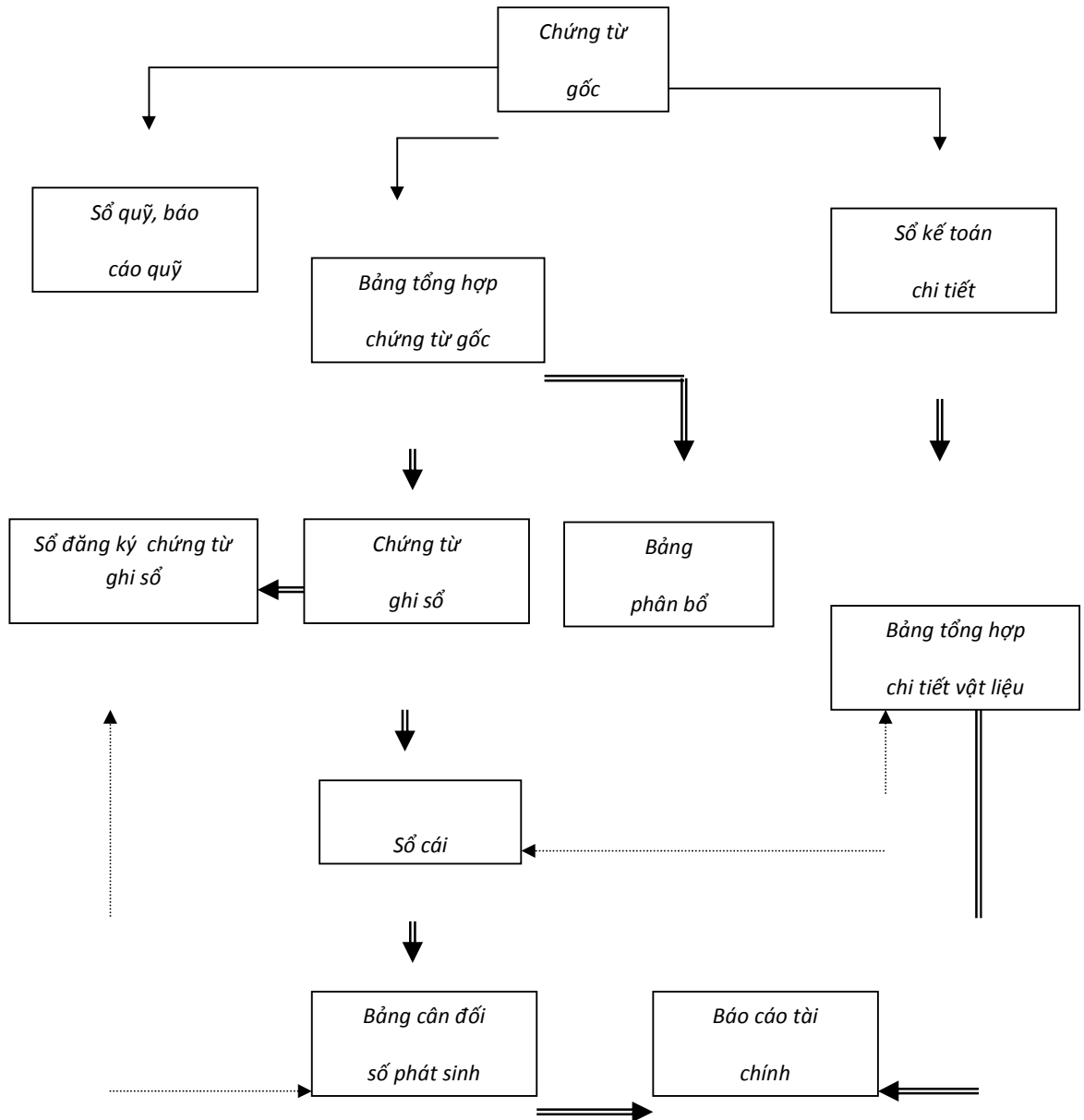
Hệ thống chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ và các chứng từ có liên quan khác để hỗ trợ công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sổ kế toán sử dụng: Thẻ kho, Sổ theo dõi chi tiết vật liệu, báo cáo tổng hợp nhập – xuất- tồn nguyên vật liệu, sổ chi tiết thanh toán với người bán, bảng tổng hợp TK 331, Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 152

Luân chuyển chứng từ:

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ gốc (hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng...) để viết phiếu nhập kho. Từ phiếu nhập kho, xuất kho ghi vào thẻ kho. Từ hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho...kế toán tiến hành ghi vào Sổ chứng từ ghi sổ và từ Chứng từ ghi sổ để lên TK 152. Từ sổ theo dõi chi tiết nguyên vật liệu cuối tháng lên báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu, báo cáo này dùng để đối chiếu với Sổ cái tài khoản 152.

**SƠ ĐỒ 2.1: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHỨNG TỪ TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP NINH BÌNH.**



Ghi chú:

<i>Ghi hằng ngày, hoặc định kỳ</i>	→
<i>Ghi cuối quý</i>	⇒
<i>Quan hệ đối chiếu</i>	↔

3.3.2.2. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

*** Thủ tục nhập kho đối với nguyên vật liệu:**

Việc nhập nguyên vật liệu của Công ty không chỉ dựa vào nhu cầu sản xuất hàng tháng mà có loại phải dựa vào nhu cầu sản xuất trong năm để tiến hành thu mua

Khi có nhu cầu nguyên vật liệu bộ phận cung ứng của phòng cung tiêu sẽ tiến hành ký hợp đồng với người bán hoặc cử cán bộ cung tiêu đi mua. Bên cung ứng sẽ viết hoa đơn cho nhân viên đi mua. Khi nguyên vật liệu về đến Công ty trước khi nhập sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng thực nhập đúng tiêu chuẩn. Ban kiểm nghiệm căn cứ vào kết quả thực tế ghi vào phiếu kiểm nghiệm. Nếu phát hiện

sai sót, thiếu hụt sẽ báo cho bên cung tiêu biết để cùng nhau giải quyết. Chỉ những nguyên vật liệu đúng phẩm chất mới tiến hành nhập kho nguyên vật liệu. Khi có phòng cung tiêu sẽ căn cứ vào hoá đơn của người bán, phiếu kiểm nghiệm và số lượng thực nhập để viết “Phiếu nhập kho” sẽ được lập thành 4 liên:

Liên 1: Lưu sổ gốc của phòng cung tiêu

Liên 2: Thủ kho giữ để làm căn cứ ghi thẻ kho

Liên 3: Kế toán lấy từ phòng cung tiêu để tiến hành ghi sổ

Liên 4: Người mua hàng giữ để làm cơ sở thanh toán.

*** Thủ tục nhập kho đối với nguyên vật liệu xuất cho sản xuất nhưng sử dụng không hết.**

Trong trường hợp này đến cuối tháng người phụ trách sản xuất sẽ đem các nguyên vật liệu không dùng hết tới nhập kho. Trước khi nhập kho, Thủ kho sẽ tiến hành kiểm tra số lượng và ban KSC sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng rồi viết phiếu kiểm nghiệm. Sau đó người phụ trách của phân xưởng chế biến NVL sẽ đưa phiếu kiểm nghiệm đến phòng cung tiêu để tiến hành thủ tục nhập kho.

Phiếu nhập kho trong trường hợp này được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu ở sổ gốc phòng cung tiêu

Liên 2: Thủ kho giữ để làm căn cứ ghi thẻ kho

Liên 3: Kế toán tập hợp để thực hiện hạch toán trên sổ sách.

3.3.2.3. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất hàng tháng và định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với từng hạng mục mà phòng kế hoạch giao cho phòng kế toán, liên còn lại chuyển cho phòng Kỹ thuật vật tư duyệt sau đó nhân viên kinh tế đưa xuống kho để lĩnh vật tư. Căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng

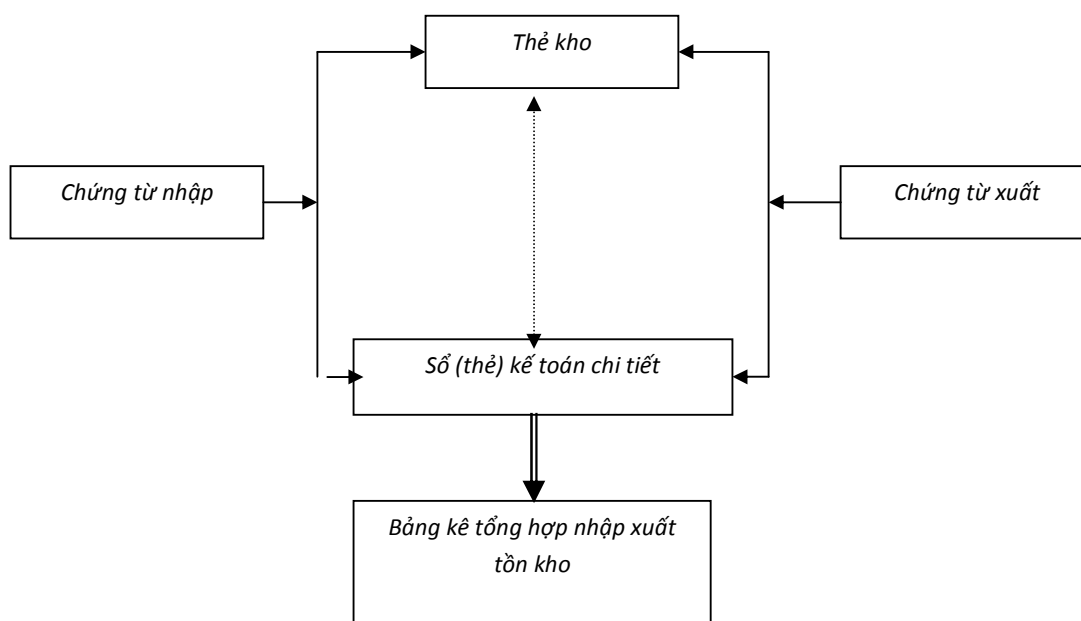
cụ tồn kho, thủ kho xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và ghi vào thẻ kho. Theo định kỳ, kế toán vật tư xuống kho để kiểm tra và rýt phiếu xuất kho và kế toán chỉ ghi vào các cột: Số hiệu chứng từ, ngày tháng chứng từ, diễn giải (tiền vật tư, đơn vị tính, ...) và cột số lượng mà bỏ trống cột đơn giá và thành tiền.

3.3.2.4. *Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình.*

Nguyên vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh rất đa dạng và phong phú, các nghiệp vụ nhập – xuất diễn ra thường xuyên liên tục. Do đó để hạch toán một cách có hiệu quả kế toán phải sử dụng hệ thống chứng từ, sổ sách sao cho hợp lý để có thể quản lý việc nhập xuất một cách chi tiết. Để giám sát và phản ánh kịp thời, đầy đủ về sự biến động của NVL từ đó làm cơ sở ghi sổ kế toán, kế toán sử dụng các chứng từ sau: Hoá đơn GTGT (hoá đơn bán hàng thông thường), phiếu xuất kho, phiếu nhập kho...sổ sách được sử dụng để hạch toán chi tiết là: Thẻ kho, sổ chi tiết nhập vật tư, sổ chi tiết xuất vật tư...

Hạch toán chi tiết NVL tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình Bình được tiến hành theo phương pháp ghi thẻ song song. Trình tự hạch toán chi tiết NVL được thực hiện theo sơ đồ sau:

PHƯƠNG PHÁP GHI THẺ SONG SONG



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- ====→ Ghi cuối ngày.
- ←.....→ Đối chiếu kiểm tra.

Việc hạch toán chi tiết NVL tại Công ty được tiến hành như sau:

+ *Tại kho:* Ngoài việc sử dụng thẻ kho theo dừi tồn hỡnh nhậ, xuất, tồn về số lượng thờ cũn sử dụng số số dư để ghi số lượng vật tư tồn kho và sử dụng cho cả năm. Vào cuối mỗi tháng tháng, số số dư được chuyển cho thủ kho. Thủ kho căn cứ vào số lượng tồn kho cuối tháng của từng thứ vật liệu thực hiện trên thẻ kho để ghi, sau đó chuyển về cho phũng kế toán.

+ *Tại phũng kế toán:* Kế toán nguyên vật liệu sẽ kiểm tra lại và hoàn thiện cốc chứng từ, sau đó căn cứ vào các chứng từ để ghi vào các bảng kê nhậ, bảng kê xuất nguyên vật liệu. Cuối tháng, căn cứ vào các số liệu trên các bảng kê để ghi vào các bảng tổng hợp nhậ, xuất, tồn. Sau đó dựa vào số dư của thủ kho gửi lên, kế toán tính ra giá trị nguyên vật liệu nhậ, xuất, tồn trong kỳ.

3.3.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần bê tông thép ninh bình

3.3.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- *Chứng từ sử dụng:*

+ *Phiếu xuất kho*

+ *Phiếu nhậ kho*

- + Thẻ kho
- + Phiếu xuất kho theo định mức
- + Giấy đề nghị lĩnh vật tư
- + Phiếu báo vật tư tồn cuối kỳ

- Sổ sách sử dụng:

- + Sổ chi tiết nguyên vật liệu, sổ chi tiết dụng cụ dụng cụ.
- + Bảng tổng hợp nhập, bảng tổng hợp xuất.
- + Sổ còi TK 152, TK 153.

- Tài khoản sử dụng:

- + TK 152 : Nguyên vật liệu
- + TK 153 : Dụng cụ dụng cụ

3.3.3.2. Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu:

* Thủ tục nhập kho:

Khi nhận được dự án, hợp đồng thầu Công ty căn cứ vào các thông số kỹ thuật của hợp đồng, dựa vào bản thiết kế kỹ thuật mà phòng Kỹ thuật dự trữ khối lượng vật tư tiêu hao, sau đó chuyển cho phòng vật tư. Căn cứ vào đó, nhân viên phòng vật tư đề nghị làm giấy tạm ứng mua vật liệu rồi gửi lên Ban giám đốc duyệt.

Còn bộ phận vật tư trực tiếp xuống các đơn vị, tổ chức kinh tế nơi có nguồn vật liệu phù hợp với đặc điểm thi công xây dựng công trình để ký kết các hợp đồng mua vật liệu. Còn bộ phận vật tư có trách nhiệm vận chuyển, bảo quản vật liệu đến công trình với chi phí vận chuyển do Xó nghiệp thanh toán.

Khi vật tư về đến công ty hay kho của đơn vị, lúc này thủ kho sẽ xem xét, kiểm tra tính hợp lý của hoá đơn. Nếu nội dung ghi trên hoá đơn phù hợp, đúng

chủng loại, chất lượng... thờ đồng ý cho nhập kho số vật liệu đó. Phiếu nhập kho do phũng vật tư lập gồm 3 liên:

Liên 1: Thủ kho giữ

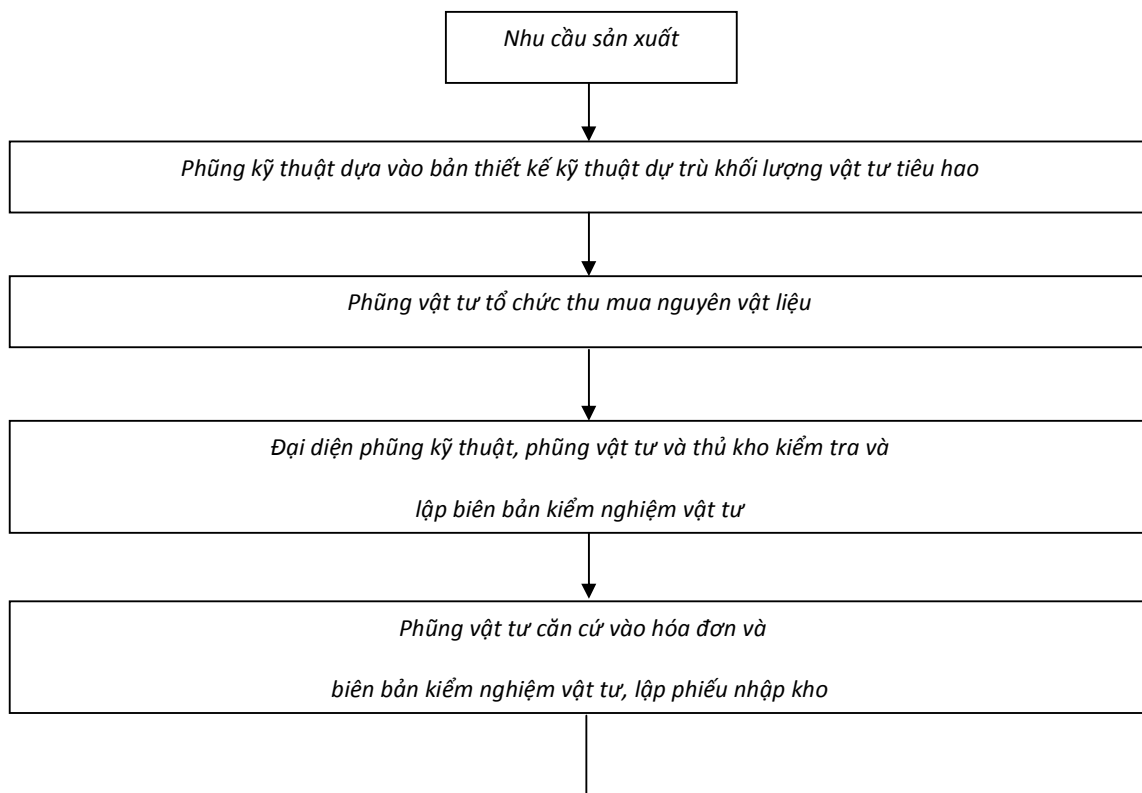
Liên 2: Lưu tại phũng kế toán.

Liên 3: Lưu tại phũng vật tư để làm chứng từ gốc.

Thủ kho phải có trách nhiệm sắp xếp các loại vật tư trong kho một cách hợp lý, khoa học đúng yêu cầu bảo quản của từng thứ, loại để tiện cho việc theo dõi và tiện cho cụng tác nhập, xuất. Thông thường Công ty chỉ nhập những loại vật liệu cần thiết dự trữ để phũng tránh trong trường hợp khan hiếm như sắt, thép, đá,...; cũn những nguyên vật liệu, cụng cụ dụng cụ khỏc thường đợc mua về và sử dụng ngay.

Hóa đơn của người bán và phiếu nhập kho đợc gửi cho phũng kế toán để làm thủ tục thanh toán.

SƠ ĐỒ THỦ TỤC NHẬP KHO NVL



* Trình tự kế toán nhập kho NVL:

Vật liệu mua về ở Công ty chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Khi mua về phải có hoá đơn kèm theo, căn cứ hoá đơn, cán bộ kỹ thuật và cán bộ kiểm tra chất lượng của phân xưởng kiểm tra vật liệu, hàng hoá mua lập biên bản kiểm nhận và cùng ký vào. Thủ kho căn cứ vào hoá đơn và biên bản kiểm nhận thủ kho nhận hàng ghi số lượng thực tế vào hóa đơn và ký tên. Người mua hàng cầm hoá đơn đó cú chữ ký nhận hàng của thủ kho lờn phũng kinh doanh để làm phiếu nhập.

Phiếu nhập được chia làm 3 liên: Một liên giao cho thủ kho, một liên lưu tại phũng vật tư và một liờn chuyển sang phũng kế toán cụng hoỏ đơn làm chứng từ gốc để thanh toán.

Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình thực hiện hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Vớ dụ: Trong thông 08/2009 Công ty đó mua của Công ty TNHH TM DV Việt Vương, hoá đơn bên bán giao cho Xí nghiệp như sau:

HÓA ĐƠN(GTGT)
LIẤN 2: (GIAO CHO KHÁCH HÀNG)

NGÀY 29 THÁNG 08 NĂM 2009

Số 003585

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH DV TM Việt Vương

Địa chỉ: Số điện thoại

Họ tên người mua hàng: Anh Nguyễn Thành Nam

Đơn vị: Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

Địa chỉ: Ninh Bình

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

<i>STT</i>	<i>Tên hàng hóa, dịch vụ</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
<i>1</i>	<i>Dầu Diesel 0,05S</i>	<i>Lít</i>	<i>26.626</i>	<i>15.550</i>	<i>414.034.300</i>
	<i>Phí xăng dầu</i>				<i>7.987.800</i>
<i>Cộng tiền hàng: 422.022.100</i>					
<i>Thuế suất: 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT: 42.202.210</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán: 464.224.310</i>					
<i>Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư triệu hai trăm hai mươi tư nghìn ba trăm mười nghìn đồng.</i>					
<i>Người mua</i>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Thủ trưởng đơn vị</i>			
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)			

HÓA ĐƠN(GTGT)
LIÊN 2: (GIAO CHO KHÁCH HÀNG)
NGÀY 30 THÁNG 08 NĂM 2009
Số 003586

Đơn vị bán hàng : Doanh nghiệp Xuân Thành

Địa chỉ: Số điện thoại

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình

Địa chỉ: Ninh Bình

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

<i>STT</i>	<i>Tên hàng hóa, dịch vụ</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
<i>1</i>	Đá vôi	<i>Tấn</i>	<i>50</i>	<i>32.600</i>	<i>1.630.000</i>
<i>Cộng tiền hàng:</i>				<i>1.630.000</i>	
<i>Thuế suất: 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT: 163.000</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán: 1.793.000</i>					
<i>Số tiền bằng chữ: Một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn</i>					
<i>Người mua</i>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Thủ trưởng đơn vị</i>			
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)			

Khi vật tư về đến công ty căn cứ hoá đơn GTGT. Kế toán cùng các thành viên trong hội đồng kiểm nghiệm tiến hành kiểm tra khối lượng vật tư ghi sổ thực nhập kho và lập biên bản giao nhận vật tư có xác nhận của bên giao và bên nhận.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Hụm nay ngày 29 tháng 08 năm 2008

Chỳng tụi gồm:

- 1. Người mua (giao hàng): Ông. Nguyễn Thành Nam*
- 2. Cộn bộ kỹ thuật : ỹng. Lương Kim Thắg*
- 3. Người nhận (thủ kho): Ông. Nguyễn Ngọc Toan*
- 4. Kế toán vật tư: Ông. Nguyễn Văn Long*

Cùng nhau kiểm nghiệm và giao nhận các loại vật tư sau:

STT	CHỦNG LOẠI - QUY CÁCH VẬT TƯ	ĐV	SỐ LƯỢNG	CHẤT LƯỢNG
	<i>Dầu Diesel</i>	<i>Lít</i>	<i>26.626</i>	
	(Một loại)			

Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng. Đồng ý nghiệm thu đưa vào sử dụng			
---	--	--	--

Biên bản được lập thành 02 bản: 01 bản để thanh toán TC, 01 bản để quản lý KT

NGƯỜI MUA NGƯỜI NHẬN KẾ TOÁN VẬT TƯ KỸ THUẬT
(đó ký) (đó ký) (đó ký) (đó ký)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Hôm nay ngày 30 tháng 08 năm 2008

Chứng tại gồm:

- 1. Người mua (giao hàng): Bà. Đào Thị Bích Thủy*
- 2. Còn bộ kỹ thuật : ẽng. Lương Kim Thắng*
- 3. Người nhận (thủ kho): Ông. Nguyễn Ngọc Toan*
- 4. Kế toán vật tư: Ông . Nguyễn Văn Long*

Cùng nhau kiểm nghiệm và giao nhận các loại vật tư sau:

STT	CHỨNG LOẠI - QUY CÁCH VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	CHẤT LƯỢNG
	<p>Đá vôi</p> <p>(Một loại)</p> <p>Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng.</p> <p>Đồng ý nghiệm thu đưa vào sử dụng</p>	<i>Tấn</i>	50	

Biên bản được lập thành 02 bản: 01 bản để thanh toán TC, 01 bản để quản lý KT

NGƯỜI MUA	NGƯỜI NHẬN	KẾ TOÁN VẬT TƯ	KỸ THUẬT
(đó ký)	(đó ký)	(đó ký)	(đó ký)

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng, biên bản kiểm nghiệm vật tư, chứng từ thanh toán kế toán làm thủ tục nhập kho theo số lượng thực nhập.

Công ty cổ phần Bê tông Thép

Mẫu số 01 -VT

Ninh Bình

Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ -
BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 29 tháng 08 năm 2009

Họ tên: A. Nguyễn Thành Nam

Theo số 3585 ngày 31 tháng 08 năm 2009

Nhập tại kho: Công ty

ST T	Tồn nhóm hiệu quy công, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mó số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu Diesel 0,05S Phí xăng dầu		Lít		26.626	15.550	414.034.300 7.987.880
	Cộng						472.212.110

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm bảy mươi hai triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm mười đồng ./.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Phụ trách cung tiêu Kế toán trưởng Thủ kho Người nhận Thủ trưởng đơn vị

Công ty cổ phần Bê tông Thép

Mẫu số 01 -VT

Ninh Bình

Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ -
BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 30 tháng 08 năm 2009

Họ tên: A. Nguyễn Thành Nam

Theo số 3597 ngày 31 tháng 08 năm 2009

Nhập tại kho: Công ty

ST T	Tồn nhóm hiệu quy công, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mô số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá vôi		Tấn	50	50	32.600	1.630.000
	Cộng						1.630.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Phụ trách cung tiêu Kế toán trưởng Thủ kho Người nhận Thủ trưởng đơn vị

3.3.3.3. Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu:

* Thủ tục xuất kho:

Căn cứ vào kế hoạch thi công hàng tháng và định mức tiêu hao nguyên vật liệu đối với từng hạng mục công trình mà phòng kế hoạch giao cho phòng kỹ thuật, liồn cũn lại chuyển cho phòng Kỹ thuật vật tư duyệt sau đó nhân viên kinh tế đội xuống kho để lĩnh vật tư. Căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu tồn kho, thủ kho xuất nguyên vật liệu và ghi vào thẻ kho. Theo định kỳ, kế toán vật tư xuống kho để kiểm tra và rút phiếu xuất kho và kế toán chỉ ghi vào các cột: Số hiệu chứng từ, ngày tháng chứng từ, diễn giải (tên vật tư, đơn vị tính, ...) và cột số lượng mà bỏ trống cột đơn giá và thành tiền.

Sau khi người phụ trách ký vào phiếu xuất kho và giao cho người lĩnh vật tư xuống kho vật tư để lĩnh. Thủ kho thực hiện xuất kho và ghi số thực xuất vào thẻ kho. Sau khi kiểm nghiệm số lượng, chất lượng số thực lĩnh, người nhận và thủ kho ký vào 3 liên đó.

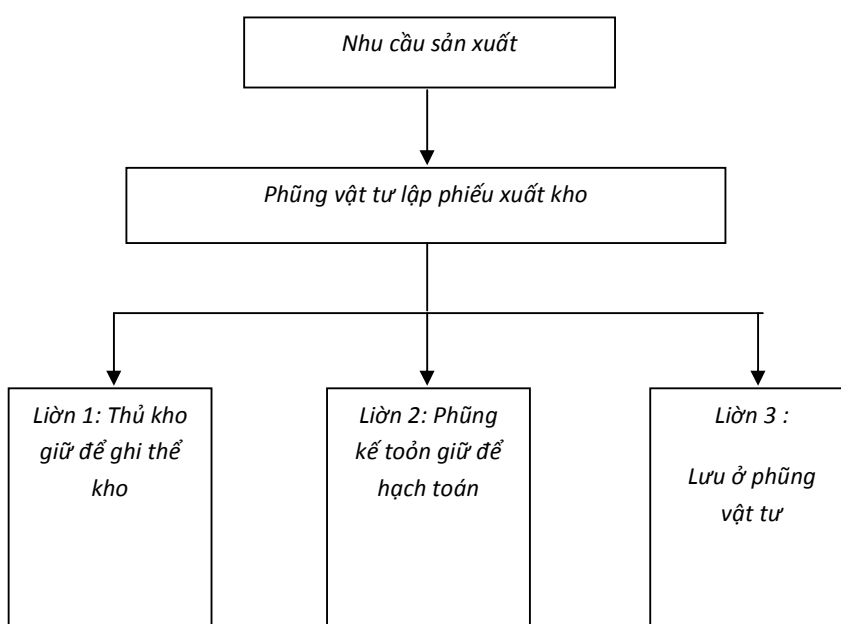
Căn cứ vào phiếu đề nghị xuất kho vật tư và căn cứ vào biên bản giao khoán công trình hay hạng mục công trình, phòng vật tư lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên.

Liên 1: Thủ kho giữ

Liên 2: Lưu tại phòng kế toán.

Liên 3: Lưu tại phòng vật tư để làm chứng từ gốc.

SƠ ĐỒ THỦ TỤC XUẤT KHO NVL



* Kế toán quỏ trỡnh xuất kho nguyên vật liệu (NVL):

Vớ dụ: Trong thỏng 08/2009, Xí nghiệp đố 2 lần xuất nhời liệu cho chốtt cầu Đuống các số liệu sau (mẫu minh họa), nhưng thực tế là trong 1 tháng có thể xuất nhiều lần

Lần 1: Xuất 1.036 lớt dầu

Lần 2: Xuất 734 lớt dầu

Kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho theo mẫu như sau:

Công ty cổ phần Bê tông Thép

Mẫu số 02 -VT

Ninh Bình

**Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ -
BTC**

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Họ tên người nhận hàng: Ô. Đỗ Văn Chiên

Địa chỉ: Ninh Bình

Lý do xuất: Dầu cho cụng trỡnh chống va trụi ở chốt cầu Đuống

Xuất kho tại: Công ty

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Tờn nhón hiệu quy cỏch, phẩm chất vật tur (sphẩm, hàng hóa)	Mó số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu		Lớt		1.036	15.550	16.109.800
2	Dầu		Lớt		734	15.550	11.413.700
3	Dầu		Lớt		16.000	15.550	248.800.000
	CỘNG				17.770		276.323.500

- **Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng chẵn.**

- **Số chứng từ gốc kóm theo: 02**

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Phụ trách cung tiêu Kế toán trưởng Thủ kho

Người nhận Thủ trưởng đơn vị

Công ty cổ phần Bê tông Thép

Mẫu số 02 -VT

Ninh Bình

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ -

BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Họ tên người nhận hàng: Ô. Đỗ Văn Chiên

Địa chỉ: Ninh Bình

Lý do xuất: Xuất kho cho sản xuất

Xuất kho tại: Công ty

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Tồn nhóm hiệu quy cỗch, phẩm chất vật tư (sphẩm, hàng hóa)	Mó số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá vôi		Tấn	50	50	32.600	1.630.000
	CỘNG			50	50		1.630.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Phụ trách cung tiêu Kế toán trưởng Thủ kho

Người nhận Thủ trưởng đơn vị

THẺ KHO

-Tồn vật liệu: Dầu

- Quy cách:

Đơn vị tính: lít

<i>Ngày tháng năm</i>	<i>Chứng từ số</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>Số lượng</i>			<i>Kiểm tra</i>
	<i>Nhập</i>	<i>Xuất</i>		<i>Nhập</i>	<i>xuất</i>	<i>Cũn lại</i>	
						23.195	
29/08/2009	003526		<i>Nhập kho</i>	14.020			
29/08/2009	003526		<i>Nhập kho</i>	12.606			
31/08/2009		5327	<i>Xuất kho</i>		17.170		
Cộng				26.626	17.170	32.651	

THẺ KHO

-Tồn vật liệu: Đá vôi

- Quy cách:

Đơn vị tính: Tấn

<i>Ngày tháng năm</i>	<i>Chứng từ số</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>Số lượng</i>			<i>Kiểm tra</i>
	<i>Nhập</i>	<i>Xuất</i>		<i>Nhập</i>	<i>xuất</i>	<i>Cũn lại</i>	
			Đầu tháng			240	
30/08/2009	003579		Nhập kho	50			
31/08/2009		5327	Xuất kho		50		
....
			Cộng	1.750	1.845		
			Cuối tháng			145	

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 08 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>ST T</i>	<i>NT</i>	<i>Tên nhãn hiệu SP</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
<i>A</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1x2</i>
<i>1</i>		<i>Dầu</i>	<i>Tấn</i>	<i>14.232</i>	<i>15.550</i>	<i>221.307.580</i>
<i>2</i>		<i>Đá vôi</i>	<i>Tấn</i>	<i>18450</i>	<i>32.600</i>	<i>601.470.000</i>
<i>..</i>	<i>...</i>	<i>....</i>	<i>.....</i>	<i>....</i>	<i>.....</i>	<i>.....</i>
		<i>Cộng</i>				<i>1.521.000.000</i>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên)

BẢNG KÊ NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 08 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>ST T</i>	<i>NT</i>	<i>Tên nhãn hiệu SP</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
-----------------	-----------	-------------------------	------------	-----------------	----------------	-------------------

<i>A</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1x2</i>
<i>1</i>		<i>Dầu</i>	<i>Tấn</i>	<i>26.626</i>	<i>15.550</i>	<i>339.588.004</i>
<i>2</i>		<i>Đá vôi</i>	<i>Tấn</i>	<i>17500</i>	<i>32.600</i>	<i>570.500.000</i>
...
		<i>Cộng</i>				<i>1.324.000.000</i>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên)

BẢNG PHÂN BỐ VẬT LIỆU- CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 08 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>STT</i>	<i>Ghi có TK</i> <i>Đối tượng SD</i>	<i>TK 152</i>	
		<i>HT</i>	<i>TT</i>
<i>01</i>	<i>TK 621</i>		<i>921.307.580</i>
<i>02</i>	<i>TK 627</i>		<i>214.635.245</i>
<i>03</i>	<i>TK 641</i>		<i>112.560.648</i>
<i>04</i>	<i>TK 642</i>		<i>272.496.527</i>
	<i>Cộng</i>		<i>1.521.000.000</i>

Kế toán trưởng

(Ký tên)

Người lập biểu

(Ký tên)

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN
CỦA NGUYÊN VẬT LIỆU**

Đơn vị tính: Đồng

<i>Tồn vật liệu</i>	<i>Tồn đầu tháng</i>		<i>Nhập trong tháng</i>		<i>Xuất trong tháng</i>		<i>Tồn cuối tháng</i>	
	<i>Lượng</i>	<i>Tiền</i>	<i>Lượng</i>	<i>Tiền</i>	<i>Lượng</i>	<i>Tiền</i>	<i>Lượng</i>	<i>Tiền</i>
<i>Dầu</i>	23.195	243.547.500	26.626	339.588.004	17.170	221.307.580	32.651	361.827.924
<i>Đá vôi</i>	2400	70.824.000	17500	570.500.000	18450	601.470.000	1450	47.270.000
...

Cộng		487.500.000		1.324.000.000		1.521.000.000		290.500.000
-------------	--	-------------	--	---------------	--	---------------	--	-------------

Kế toán trưởng

(Ký tên)

Người lập biểu

(Ký tên)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 01

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>Diễn giải</i>	<i>SH TK</i>		<i>Số tiền</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	
<i>Nhập kho NVL</i>	<i>152</i>		
<i>Chưa trả tiền</i>		<i>331</i>	<i>339.588.004</i>
<i>Thanh toán bằng Tiền mặt</i>		<i>111</i>	<i>28.963.620</i>
<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>.....</i>
<i>Cộng</i>			<i>1.324.000.000</i>

Người lập

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số :02

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>Diễn giải</i>	<i>SH TK</i>		<i>Số tiền</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	
<i>Xuất kho NVL</i>			
<i>Cho bộ phận sản xuất SP</i>	<i>621</i>		<i>921.307.580</i>
<i>Cho bộ phận sản xuất</i>	<i>627</i>		<i>214.635.245</i>
<i>Cho bộ phận bán hàng</i>	<i>641</i>		<i>112.560.648</i>
<i>Cho bộ phận quản lý DN</i>	<i>642</i>		<i>272.496.527</i>
		<i>152</i>	
<i>Cộng</i>			<i>1.521.000.000</i>

Người lập

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<i>Chứng từ ghi số</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Chứng từ ghi số</i>		<i>Số tiền</i>
<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>		<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>	
01	31/08/2009	1.324.000.000	02	31/08/2009	1.521.000.000
	Cộng				2.845.000.000

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÉP
NINH BÌNH**

Mẫu số S02c1 - TT

*Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ -
BTC*

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu, nhiên liệu

Tháng 8 năm 2009

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Cú
		Đầu tháng		487.500.000	
	31/08/2009	Nhập kho NVL	331	339.588.004	
	31/08/2009	Nhập kho NVL	111	28.963.620	
	31/08/2009	Xuất kho NVL	621		921.307.580

...
Tổng cộng				1.324.000.000	1.521.000.000
Số dư cuối kỳ				290.500.000	

Ngày tháng năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đó ký)

(Đó ký)

(Đó ký)

3.3.4. Đánh giá thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông thép Ninh Bình:

3.3.4.1. Những ưu điểm cơ bản:

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác NVL ở Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình, em nhận thấy công tác quản lý và hạch toán ở Công ty có nhiều ưu điểm cần phát huy, cụ thể như sau:

- Về bộ máy quản lý: cùng với sự lớn mạnh và phát triển của Công ty (sự lớn mạnh không chỉ thể hiện qua cơ sở vật chất, kỹ thuật mà còn thể hiện ở khâu quản lý có trình độ), đó là công tác kế toán nói chung và công tác NVL nói riêng, không ngừng được hoàn thiện và nâng cao. Kế toán NVL ở Công ty đã phản ánh và giám đốc chặt chẽ về tài sản cũng như nguồn cung ứng vốn của Công ty, đồng thời cung cấp thông tin chính xác kịp thời cho Giám đốc, cho công tác quản lý, phân tích

được các hoạt động kinh tế, thường xuyên giúp cho việc chỉ đạo nhập - xuất vật liệu một cách ổn định và nhanh chóng.

Với đội ngũ kế toán được đào tạo khá vững và am hiểu như hiện nay là phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đã được phân công.

- Về tình hình hạch toán NVL ở Công ty: Đây là khâu đặc biệt được Công ty coi trọng ngay từ những chứng từ ban đầu cũng như những quy định rất chặt chẽ, được lập kịp thời, nội dung ghi đầy đủ rõ ràng, sổ sách được lưu chuyển theo dõi và lưu trữ khá hợp lý, không chồng chéo. Tổ chức theo dõi và ghi chép thường xuyên, liên tục thông qua các chứng từ như: phiếu nhập kho, hoá đơn (GTGT) và các loại sổ sách đã phản ánh đúng thực trạng biến động NVL ở Công ty. Hạch toán vật liệu tổng hợp cũng được chia làm 2 phần: hạch toán vật liệu nhập và hạch toán vật liệu xuất.

Bên cạnh đó, việc hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song là phù hợp với Công ty, phù hợp với trình độ của kế toán viên cũng như thủ kho, giúp cho việc theo dõi, đối chiếu giữa thủ kho với phòng kết toán được nhanh chóng, dễ dàng và thuận lợi. Đồng thời đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời NVL cho sản xuất đúng tiến độ, đúng kế hoạch.

- Về khâu dự trữ bảo quản: Công ty luôn đảm bảo NVL dự trữ ở mức hợp lý nhằm đáp ứng cho việc xây dựng được liên tục mà không gây ứ đọng vốn, Công ty thường nhập vật liệu và xuất kho theo phương pháp xuất thẳng vì thế mà NVL tồn kho là không nhiều, đặc biệt Công ty có hệ thống bến bãi dự trữ rộng, thuận tiện cho việc nhập xuất NVL

- Về khâu sử dụng: mọi nhu cầu sử dụng NVL đều được đưa qua phòng vật tư để đánh giá và xem xét tình hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của các nhu cầu trước khi cung ứng nhằm sử dụng NVL

- Về việc sử dụng hệ thống sổ kế toán: hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống Chứng từ ghi sổ theo hệ thống tài khoản thống nhất, mới ban hành. Phương pháp này kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, tất cả các sổ sách sử dụng đều được lập theo mẫu sổ quy định.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm cần phát huy ở trên thì công tác NVL ở Công ty còn có những hạn chế sau:

3.3.4.2. Những vấn đề còn tồn tại:

Là một DNNN - một đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, công ty cung cấp một lượng lớn các loại vật liệu xây dựng có chất lượng cao như: các sản phẩm bê tông, cột điện cao thế, hạ thế, thép các loại... phục vụ cho nhu cầu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Do đó mà NVL dùng vào quá trình sản xuất kinh doanh là rất phong phú và đa dạng, thường được Công ty mua với khối lượng lớn, các đơn vị bán thường xuyên, một số đơn vị bán lại ở rất xa các công trường thi công. Bởi vậy việc vận chuyển NVL từ người bán đến chân công trình thường chiếm một thời gian dài, quá trình vận chuyển phức tạp, do đó không tránh khỏi mất mát hư hỏng trong quá trình vận chuyển.

Bên cạnh đó việc bảo quản vật liệu không phải là dễ, một số NVL không để được ở ngoài trời, có những loại vật liệu mua về phải dùng ngay, bảo quản tốt, không được để quá thời hạn cho phép, nếu không sẽ kém chất lượng hư hỏng.

Tất cả các trường hợp hư hỏng vật liệu trong quá trình vận chuyển vừa gây mất mát ứ đọng vốn, vừa gây thiệt hại về khoản chi phí bảo quản làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Trong công tác kế toán NVL ở Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình sử dụng phương pháp ghi thẻ song song, phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu nhưng việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán lại trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác do việc kiểm tra đối chiếu chỉ tiến hành vào cuối tháng nên đã hạn chế chức năng kiểm tra của công tác kế toán.

KẾT LUẬN

Với đề tài nghiên cứu “**Kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình**” em đã hiểu được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong quản lý kinh tế của Công ty. Kế toán nguyên vật liệu góp phần giúp các nhà lãnh đạo Công ty nắm bắt kịp thời được tình hình và có những quyết định chính xác trong chỉ đạo sản xuất và kinh doanh để có thể hạ giá thành sản phẩm của mình và tăng lợi nhuận mà vẫn nâng cao được chất lượng sản phẩm.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đối với công tác quản lý nói chung và công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng. Kế toán nguyên vật liệu là yếu tố cơ bản giúp ban lãnh đạo Công ty nắm được tình hình và chỉ đạo sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu phản ánh chính xác, đầy đủ về tình hình thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu thì ban lãnh đạo Công ty mới có biện pháp và chỉ thị đúng đắn. Vì vậy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải không ngừng được hoàn thiện.

Trong thời gian thực tập ở Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình em đã học hỏi được nhiều bài học rất bổ ích, lý thú về thực tế công tác kế toán để bổ trợ cho những kiến thức lý luận đã học tập ở trường và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn. Tuy nhiên do thời gian có hạn, trình độ còn nhiều hạn chế và từ lý thuyết đi vào thực tế còn nhiều bỡ ngỡ nên mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng chuyên đề này của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự quan tâm, góp ý của các thầy cô giáo và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình để chuyên đề thực tập tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn

Để hoàn thành đề tài thực tập này, cho phép em gửi lời cảm ơn chân thành sự giúp đỡ tận tình cô giáo Thạc sỹ Tạ Thị Kim Anh và ban lãnh đạo cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Bê tông thép

Ninh Bình đã nhận em vào thực tập, cung cấp số liệu và tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập.

Em xin chân thành cảm ơn!